

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MINH LONG
TRƯỜNG TIỂU HỌC LONG MAI**

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Diên Vị	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Nguyễn Thị Đào	P. Hiệu trưởng	PCT Hội đồng	
3	Trần Thị Thương	Giáo viên	Thư ký Hội đồng	
4	Nguyễn Tiến Thành	CTCD	Thành viên Hội đồng	
5	Nguyễn Thị Hồng Huân	Tổ trưởng Khối 1	Thành viên Hội đồng	
6	Võ Thị Kim Xuyên	Tổ trưởng Khối 2	Thành viên Hội đồng	
7	Đỗ Thị Ngọc Ánh	Tổ trưởng Khối 3	Thành viên Hội đồng	
8	Nguyễn Thị Minh Châu	Tổ trưởng Khối 4	Thành viên Hội đồng	
9	Nguyễn Thị Oanh	Tổ trưởng Khối 5	Thành viên Hội đồng	
10	Đình Văn Triên	GV-TPT	Thành viên Hội đồng	
11	Huỳnh Đoan	TBLĐ	Thành viên Hội đồng	
12	Nguyễn Thanh Thoại	TBTTND	Thành viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	2
Danh mục các chữ viết tắt	4
Tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
I. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 1,2 VÀ 3	15
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	15
Mở đầu	16
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	16
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	17
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	19
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	20
Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học	22
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	23
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	25
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	26
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	27
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	29
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	30
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	31
Mở đầu	31
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	31
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	33
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	35
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	36
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	38
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	38
Mở đầu	38
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập	39
Tiêu chí 3.2: Phòng học	40
Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính- quản trị	41
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	43
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	44
Tiêu chí 3.6: Thư viện	46
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	48

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	48
Mở đầu	48
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	48
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân.	50
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	53
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	53
Mở đầu	53
Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường	53
Tiêu chí 5.2: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	55
Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác	58
Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học	60
Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục	62
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	63
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	64
Khoản 1, Điều 22	64
Khoản 2, Điều 22	64
Khoản 3, Điều 22	65
Khoản 4, Điều 22	65
Khoản 5, Điều 22	66
<i>Kết Luận</i>	66
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	68
Phần IV. PHỤ LỤC	69

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Nội dung
PCT	Phó chủ tịch
CTCĐ	Chủ tịch Công đoàn
GV	Giáo viên
TPT	Tổng phụ trách
TBLĐ	Trưởng ban Lao động
TBTTND	Trưởng ban Thanh tra nhân dân
UBND	Ủy ban nhân dân
TĐG	Tự đánh giá
HS	Học sinh
TNTPHCM	Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh
TH	Tiểu học
GV	Giáo viên
GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
CBGVNV	Cán bộ, giáo viên, nhân viên
CSVC	Cơ sở vật chất
CBGV	Cán bộ, giáo viên
GD-ĐT	Giáo dục và Đào tạo
BDTX	Bồi dưỡng thường xuyên
CBQLGVNV	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
HTCTTH	Hoàn thành chương trình tiểu học
GVNV	Giáo viên nhân viên
HT	Hiệu trưởng
PHT	Phó Hiệu trưởng
ĐDCMHS	Đại diện cha mẹ học sinh
CMHS	Cha mẹ học sinh
ATGT	An toàn giao thông
PCGD-XMC	Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ
HĐND	Hội đồng nhân dân
GDTH-XMC	Giáo dục tiểu học, xóa mù chữ
NGLL	Ngoài giờ lên lớp
VC-NLĐ	Viên chức, người lao động
CM	Chuyên môn
TKB	Thời khóa biểu
GDPT	Giáo dục phổ thông
CTGDPT	Chương trình giáo dục phổ thông
TCM	Tổ chuyên môn
HSTH	Học sinh tiểu học
HĐTN	Hoạt động trải nghiệm
GDNGLL	Giáo dục ngoài giờ lên lớp
PCGDTHĐĐT	Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1,2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4.

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1, Điều 22		x	
Khoản 2, Điều 22		x	
Khoản 3, Điều 22		x	
Khoản 4, Điều 22		x	
Khoản 5, Điều 22		x	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2

Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Tiểu học Long Mai

Tên trước đây (nếu có): Trường Tiểu học Long Mai 1

Cơ quan chủ quản: UBND huyện Minh Long.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Quảng Ngãi
Huyện/quận /thị xã/ thành phố	Minh Long
Xã / phường/thị trấn	Long Mai
Đạt CQG	
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	Năm 2019 (500/QĐ-UBND ngày 19/05/2019)
Công lập	x
Tư thục	
Trường chuyên biệt	
Trường liên kết với nước ngoài	

Họ và tên Hiệu trưởng	Nguyễn Diên Vị
Điện thoại	0977724135
Fax	
Website	http://c1longmaiml.quangngai.edu.vn
Số điểm trường	3
Loại hình khác	
Thuộc vùng khó khăn	x
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	

1. Số lớp học:

Số lớp học	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
Khối lớp 1	06	05	05	05	03
Khối lớp 2	05	05	05	04	05
Khối lớp 3	04	04	04	04	03
Khối lớp 4	04	04	04	04	04
Khối lớp 5	03	04	04	04	04
Cộng	22	22	22	21	19

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường:

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập						
1	Phòng học	22	22	22	22	22	
a	Phòng học kiên cố	16	16	18	18	18	
b	Phòng học bán kiên cố	4	4	4	4	4	
c	Phòng học tạm	2	2	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	2	2	7	7	7	
a	Phòng học kiên cố	2	2	5	5	5	
b	Phòng học bán kiên cố	0	0	2	2	2	
c	Phòng học tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	0	0	0	0	0	
a	Phòng học kiên cố	0	0	0	0	0	
b	Phòng học bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng học tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính – quản trị	2	2	10	10	10	
1	Phòng học kiên cố	1	1	10	10	10	
2	Phòng học bán kiên cố	1	1	0	0	0	
3	Phòng học tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	4	4	7	7	7	
IV	Các phòng chức năng khác	0	0	0	0	0	
	Cộng	30	30	46	46	46	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	0	0	0	01	0	
Phó hiệu trưởng	01	01	0	0	01	0	
Giáo viên	27	20	2	16	11	0	
Nhân viên	3	0	1				2 bảo vệ
Cộng	32	23	3	0	13	16	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
1	Tổng số giáo viên	37	34	33	32	29
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,10	0,08	0,08	0,07	0,07
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	04	0	0	03
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	01	0	0	01
6	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung:

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	364	387	404	408	383	
	- Nữ	170	177	177	178	172	
	- Dân tộc	331	289	379	379	356	
	-Khối lớp 1	98	93	91	77	58	
	-Khối lớp 2	79	89	85	83	75	
	-Khối lớp 3	73	76	88	87	81	
	- Khối lớp 4	57	68	74	88	84	
	- Khối lớp 5	57	57	66	73	85	
2	Tổng số tuyển mới	57	59	81	68	49	
3	Học 2 buổi/ngày	364	387	404	408	383	
4	Bán trú	26	28	32	38	38	
5	Nội trú						
6	Bình quân số học sinh/lớp học	17,4	17,1	18,8	19	21,5	
7	Số lượng và tỉ lệ% đi học đúng độ tuổi	78,83	82,25	86,17	87,72	86,4%	
	- Nữ	160	172	163	163	150	
	- Dân tộc	308	264	345	325	305	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)						
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)						
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách						
	- Nữ						
	- Dân tộc						
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	154	133	136	112	94	
	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục (đối với tiểu học):

Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100%	100%	100%	100%	100%	
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	95,6%	95,9%	97,3%	99,3%	99,1%	
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	89,1%	92,3%	83,1%	87,7%	88,1%	
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	100%	100%	100%	100%	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của trường

Trường Tiểu học Long Mai được thành lập theo quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 19/05/2019 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long.

Xã Long Mai là một xã miền núi, có hai dân tộc sinh sống là dân tộc Kinh và dân tộc Hre. Dân tộc Hre chiếm 82% dân số. Trường TH Long Mai gồm 3 điểm trường: điểm trường trung tâm ở thôn Mai Lãnh Hạ gồm học sinh ở các thôn: Mai Lãnh Hạ, Long Thượng, Trung Thượng và Mai Lãnh Hữu. Điểm trường Minh Xuân gồm học sinh ở các thôn: Minh Xuân, Dư Hữu và Mai Lãnh Hữu. Điểm trường Kỳ Hát ở thôn Kỳ Hát gồm học sinh ở thôn Kỳ Hát.

Long Mai là một xã anh hùng, là vùng đất mang đậm dấu ấn lịch sử trong thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ; là xã thuộc khu vực III, học sinh tại trường được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 và Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 về hỗ trợ tiền ăn, nhà ở, gạo cho học sinh bán trú.

Long Mai là một trong 3 xã khó khăn của huyện Minh Long người dân nơi đây đa số là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống thưa thớt ở các bản làng, cuộc sống của bà con bằng nghề nông, lâm nghiệp, trình độ văn hóa nhìn chung còn thấp so với mặt bằng chung của huyện. Đời sống kinh tế khó khăn và bấp bênh, sự chênh lệch giàu nghèo càng lớn. Trong những năm gần đây được sự đầu tư của Nhà nước nên kinh tế và đời sống nhân dân địa phương từng bước có sự phát triển.

Nhân dân Long Mai anh dũng ngoan cường trong chiến đấu, cần cù trong lao động, hết lòng chăm lo đến việc học tập của con em. Lãnh đạo địa phương rất quan tâm đến sự nghiệp giáo dục (GD), quyết tâm cao trong việc xây dựng trường Tiểu học Long Mai đạt chuẩn Quốc gia từ nhiều năm nay.

Trường có tổng diện tích là 10.141 m² bao gồm 3 điểm trường (đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích bình quân 26,47 m²/HS. Trong nhiều năm qua, trường luôn thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành phát động và có nhiều thành tích trong các phong trào. Đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên luôn đoàn kết, nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội TNTPHCM, Tổ chuyên môn... luôn bám sát kế hoạch của ngành và của trường đề ra để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trường có Chi bộ độc lập, thực hiện tốt vai trò lãnh đạo trong nhà trường, trong những năm qua Chi bộ nhà trường liên tục đạt trong sạch vững mạnh và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Nhà trường luôn đạt Tập thể Lao động Tiên tiến nhiều năm liền.

Năm học 2005 - 2006 thư viện nhà trường (trường TH Long Mai 1) được công nhận thư viện đạt chuẩn theo Quyết định số 811 của Sở Giáo dục và Đào tạo (SGD-ĐT). Tháng 12 năm 2008 thư viện nhà trường (Trường TH Long Mai 2) được công nhận thư viện đạt chuẩn theo Quyết định số 182C của Sở Giáo dục và Đào tạo (SGD-ĐT)

Trong quá trình hình thành và phát triển cho đến nay, trường đã đạt nhiều thành tích đáng tự hào: tỷ lệ Giáo viên dạy giỏi các cấp ngày càng tăng; Năm học 2018-2019 trường có 01 giáo viên đạt GV dạy giỏi cấp tỉnh; Năm học 2021-2022 trường có 01 giáo viên đạt GVCN giỏi cấp tỉnh;

Lúc mới thành lập, trường có 5 điểm trường, qua quá trình sáp nhập đến nay trường chỉ còn lại ba điểm trường. Điểm chính được đặt tại thôn Mai Lãnh Hạ, xã Long Mai, với 16 phòng học; 8 phòng hiệu bộ đang sử dụng.

Tại thời điểm báo cáo trường có 18 lớp với 367 học sinh, trong đó học sinh dân tộc Hre là 343 em chiếm tỷ lệ 93,5%. Hoàn cảnh gia đình học sinh khó khăn, phụ huynh chủ yếu làm nông nghiệp, số lượng hộ nghèo, cận nghèo còn cao, nên việc quan tâm của cha mẹ học sinh đến vấn đề học của các em vẫn còn hạn chế. Tuy vậy, các em rất có tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập và đã có nhiều em đạt kết quả cao trong các hội thi do trường và ngành tổ chức.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên nhà trường gồm 33 người, trong đó: Quản lý: 02; Tổng phụ trách Đội: 01; giáo viên trực tiếp đứng lớp 28, nhân viên 03 (Hợp đồng 2); Đảng viên: 13; cán bộ giáo viên có trình độ đại học: 16; Cao đẳng: 12; Trung cấp: 1. Đội ngũ CBGVNV nhiệt tình, năng động, tâm huyết với nghề nghiệp, yêu thương học sinh, được phụ huynh, học sinh và nhân dân địa phương tin yêu. Ban Đại diện cha mẹ học sinh tổ chức hoạt động theo điều lệ, tích cực, hiệu quả góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giáo dục.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá kiểm định chất lượng nhằm giúp nhà trường xác định điểm mạnh, điểm yếu, mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn. Qua đó, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục nhằm thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận nhà trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Trong quá trình đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 nhà trường đã có những thuận lợi, khó khăn và thách thức sau:

3.1. Thuận lợi:

Được sự quan tâm của UBND, phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Minh Long, Đảng ủy, UBND và các ban ngành đoàn thể trên địa bàn xã Long Mai.

Đội ngũ CBGVNV nhà trường có trình độ chuyên môn vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình trong công tác.

CSVC, thiết bị dạy học tương đối đầy đủ tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục của nhà trường.

Nhân dân địa phương luôn quan tâm đến việc học tập của con em, thường xuyên phối hợp chặt chẽ với nhà trường để nâng cao chất lượng giáo dục.

3.2. Khó khăn:

Địa bàn xã khá rộng, các điểm thôn cách trường quá xa nên việc đi lại của học sinh gặp nhiều khó khăn nhất là vào mùa mưa lũ. Đa số học sinh là con em

người dân tộc Hre, gia đình các em sinh sống chủ yếu bằng nghề nông và làm nương rẫy, còn thiếu thốn nhiều về điều kiện sinh hoạt và học tập. Vẫn còn một số phụ huynh chưa quan tâm đến con em mình, còn giao khoán cho nhà trường.

3.3 Tóm tắt quá trình tự đánh giá

Tự đánh giá là một khâu đầu tiên trong tổng thể các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đào tạo của một trường. Trước hết tự đánh giá là thể hiện cụ thể tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của trường trong toàn bộ các hoạt động giáo dục đào tạo, nghiên cứu theo chức năng nhiệm vụ được giao của trường và phù hợp với mục đích và sứ mệnh của nhà trường, tạo cơ sở cho bước tiếp theo đánh giá từ ngoài.

Làm rõ các hoạt động thực trạng quy mô, chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục đào tạo, nghiên cứu theo chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với tôn chỉ mục đích và sứ mạng của nhà trường trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Xác định rõ tầm nhìn, các điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức của trường và đề xuất ra các chiến lược, kế hoạch biện pháp nhằm từng bước nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo. Kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm về việc mở rộng qui mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động của mình.

Dựa trên các tiêu chuẩn kiểm định và các qui định cụ thể về các chuẩn mực (tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số) công tác tự đánh giá của trường đã tập trung vào những nội dung chủ yếu như sau:

+ Thu thập phân tích, tổng hợp các thông tin, tư liệu, số liệu thống kê theo yêu cầu của các tiêu chuẩn và tiêu chí đề ra.

+ Tổ chức thẩm tra, khảo sát ý kiến tự đánh giá của CBGV và học sinh trong nhà trường.

+ Viết báo cáo tự đánh giá theo các tiêu chuẩn kiểm định do Bộ Giáo dục ban hành trên cơ sở các thông tin và minh chứng thu thập được.

Thực hiện Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường tiểu học, nhà trường thực hiện quá trình tự đánh giá như sau:

Họp Hội đồng tự đánh giá lần thứ nhất và công bố Quyết định và thống nhất kế hoạch tự đánh giá.

Hiệu trưởng công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 12 thành viên. Hiệu trưởng Chủ tịch hội đồng, Phó Hiệu trưởng là phó Chủ tịch hội đồng, Chủ tịch Công đoàn là thành viên, thư ký Hội đồng tự đánh giá là phụ trách kiểm định chất lượng. Các ủy viên còn lại là các Tổ trưởng chuyên môn và giáo viên.

Để triển khai hoạt động tự đánh giá, Chủ tịch Hội đồng thành lập nhóm thư ký và các nhóm công tác khác, nhóm trưởng là một thành viên trong Hội đồng tự đánh giá.

Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá thông qua dự thảo kế hoạch tự đánh giá của nhà trường được xây dựng bao gồm các nội dung như mục đích và phạm vi tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, dự kiến các nguồn lực và thời điểm cần huy động, xác định công cụ đánh giá, dự kiến các thông tin và minh chứng cần thu thập cho từng tiêu chí và xác định thời gian biểu cho từng

hoạt động. Hội đồng tự đánh giá làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và thảo luận để đi đến thống nhất chung.

Căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD-ĐT ban hành, nhà trường phân công các nhóm tiến hành phân tích chỉ báo, tiêu chí và thu thập thông tin minh chứng, yêu cầu thông tin, minh chứng phải có nguồn gốc rõ ràng và chính xác, tinh gọn được thu thập ở hồ sơ lưu trữ của trường và các cơ quan, ban ngành có liên quan đến hoạt động của trường. Các thông tin, minh chứng được xử lý, phân tích dùng làm căn cứ, minh họa cho các nhận định trong báo cáo tự đánh giá của trường. Phiếu đánh giá tiêu chí được lập cho từng tiêu chí riêng làm cơ sở để tổng hợp thành báo cáo tự đánh giá.

Các nhóm báo cáo tình hình thực hiện công tác tự đánh giá của mình theo Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường tiểu học. Nội dung cơ bản của các phiếu đánh giá tiêu chí đã được Hội đồng tự đánh giá chấp thuận, được dùng để viết báo cáo tự đánh giá.

Chủ tịch hội đồng thông qua dự thảo báo cáo tự đánh giá của nhà trường, các thành viên đóng góp ý kiến. Báo cáo tự đánh giá được viết ngắn gọn, rõ ràng, chính xác và đầy đủ những hoạt động liên quan đến toàn bộ các tiêu chí. Báo cáo tự đánh giá được trình bày lần lượt theo thứ tự các tiêu chuẩn. Đối với mỗi tiêu chí đều có đầy đủ các mục như mô tả hiện trạng, xác định điểm mạnh và điểm yếu từ cơ sở đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng. Công tác tự đánh giá của các nhóm được tập hợp thành báo cáo tự đánh giá của trường. Dự thảo báo cáo tự đánh giá được lấy ý kiến góp ý của cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường trong thời gian 15 ngày làm việc. Hội đồng tự đánh giá nghiên cứu các ý kiến thu được để hoàn thiện báo cáo. Báo cáo tự đánh giá do hiệu trưởng xem xét, phê duyệt sau khi đã được Hội đồng tự đánh giá thông qua.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Tiểu học Long Mai có cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, sự chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Minh Long.

Nhà trường có Hội đồng trường, Hội đồng tư vấn, Hội đồng Thi đua- Khen thưởng, Hội đồng chăm đề tài, sáng kiến kinh nghiệm; Hội đồng khoa học do Hiệu trưởng làm Chủ tịch; Có Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đội TNTPHCM và Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Các hội đồng thực hiện đảm bảo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ trường tiểu học, có hồ sơ hoạt động và lưu trữ đầy đủ.

Đảm bảo quy chế thực hiện dân chủ trong các hoạt động của nhà trường, công tác quản lý hành chính, quản lý tài chính, đất đai, cơ sở vật chất; an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường tiểu học Long Mai được thành lập dựa trên cơ sở sát nhập 2 trường trên địa bàn xã Long Mai là trường tiểu học Long Mai I và trường tiểu học Long Mai II theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 29/05/2019 của UBND huyện Minh Long về việc thành lập trường tiểu học Long Mai [H1-1.1-01]. Nhà trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 nội dung phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đã được báo cáo với địa phương, được UBND xã Long Mai phê duyệt [H1-1.1-02]. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Nhà trường được niêm yết công khai tại bảng tin của nhà trường và cổng thông tin điện tử của Nhà trường tại địa chỉ <http://c1longmaiml.quangngai.edu.vn/phuong-huong-chien-luoc-xay-dung-va-phan-trien-nha-truong-giai-doan-2020-2025-tam-nhin-2030.html> [H1-1.1-03]. Đường dẫn truy cập cổng thông tin điện tử của trường [H1-1.1-07].

Mức 2:

Hàng năm, đề phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đạt hiệu quả, nhà trường đã có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược và phát triển, như: yêu cầu các tổ khối, bộ phận lập kế hoạch hoạt động cụ thể trong năm học bám sát Nghị quyết Đảng bộ xã Long Mai lần thứ V nhiệm kỳ 2015-2020 và Nghị quyết Đảng bộ xã Long Mai lần thứ VI nhiệm kỳ 2020-2025 [H1-1.1-04]; Nghị quyết của Hội đồng trường [H1-1.1-05]. Đồng thời nhà trường tổ chức sơ kết, tổng kết từng học kỳ năm học để rút ra

những ưu điểm, hạn chế cần khắc phục và đề ra phương hướng hoạt động trong thời gian tới [H1-1.1-06].

Mức 3:

Từng năm học nhà trường có đánh giá, rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển, huy động được sự tham gia của các thành viên Hội đồng trường và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng. Tuy nhiên việc tham gia đóng góp ý kiến của cộng đồng về phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường và dự báo quy mô trường lớp, số lượng học sinh, cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, nâng chuẩn trình độ đào tạo... còn hạn chế [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2015-2020; 2016-2021 và 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 cụ thể và chi tiết, xác định rõ được phương hướng chiến lược phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục và được UBND xã Long Mai phê duyệt, có đề ra nội dung, chỉ tiêu cần đạt và các giải pháp thực hiện để đạt kết quả, phù hợp với tình hình thực tế trường lớp, địa phương và có tính khả thi.

3. Điểm yếu

Việc tham gia của cộng đồng trong việc xây dựng, góp ý, bổ sung, điều chỉnh và thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường còn hạn chế. phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa dự báo được quy mô trường lớp, số lượng học sinh, cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, nâng chuẩn trình độ đào tạo...trong các năm học tiếp theo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cần tranh thủ ý kiến lãnh đạo, chỉ đạo của ngành và của địa phương, huy động sự tham gia của toàn xã hội trong việc xây dựng và thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Nhà trường cần tiếp tục có kế hoạch dự báo tình hình quy mô trường lớp, số lượng học sinh, cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, nâng chuẩn trình độ đào tạo...trong các năm học tiếp theo để có kế hoạch cải tiến phù hợp với thực tế.

5. Tự đánh giá:

Kết quả : Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường tiểu học Long Mai I và Hội đồng trường tiểu học Long Mai II được thành lập theo các Quyết định số 65/QĐ-GDDT ngày 22/1/2015; Quyết định số 125/QĐ-GDDT ngày 07/10/2016; Quyết định số 130/QĐ-GDDT

ngày 12/10/2016 của Trường phòng GD-ĐT huyện Minh Long và Quyết định số 1704/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND huyện Minh Long, trong quyết định thành lập hội đồng trường đã thể hiện rõ các thành viên của Hội đồng trường và nhiệm vụ của từng thành viên Hội đồng trường, được trường phòng GD-ĐT và UBND huyện ký đóng dấu [H2-1.2-01]. Hội đồng trường có kế hoạch hoạt động dài hạn [H2-1.2-02]. Để thực hiện tốt Nghị quyết Hội đồng trường [H1-1.1-05], Kế hoạch năm học đã đề ra [H2-1.2-05] nhà trường đã thành lập các Hội đồng tư vấn do Hiệu trưởng ra quyết định: Hội đồng Thi đua-Khen thưởng [H2-1.2-06]; Hội đồng khoa học [H2-1.2-07].

Các hội đồng thực hiện đảm bảo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ trường tiểu học, có hồ sơ hoạt động và lưu trữ đầy đủ. Hội đồng trường xây dựng kế hoạch phân công cụ thể cho từng thành viên trong Hội đồng [H2-1.2-06], [H2-1.2-07], [H2-1.2-08], [H2-1.2-09], [H1-1.1-06].

Trong quá trình hoạt động, Hội đồng trường và các hội đồng khác đã tổ chức họp nhằm đề rà soát đánh giá các hoạt động theo kế hoạch đề ra, đồng thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp với thực tế của đơn vị [H2-1.2-04], [H1-1.1-06], [H2-1.2-03].

Mức 2:

Các hoạt động của Hội đồng trường sát với đặc điểm của nhà trường, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội tại địa phương và đặc biệt đã linh hoạt trong việc triển khai thực hiện, lựa chọn giải pháp nên hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác khá hiệu quả, cơ bản góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H2-1.2-03]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Các hội đồng được thành lập kịp thời, đúng thành phần và hoạt động đúng quy định điều lệ trường tiểu học. Hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác sát với đặc điểm của nhà trường, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội tại địa phương và đặc biệt đã linh hoạt trong việc triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

3. Điểm yếu

Hội đồng trường hằng năm có sự thay đổi nhân sự do các đồng chí chuyển công tác, nghỉ hưu nên hoạt động của Hội đồng trường chưa được xuyên suốt, việc kiện toàn Hội đồng trường đôi lúc còn chưa kịp thời để phát huy hết chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên trong Hội đồng trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cần thường xuyên rà soát số lượng các thành viên trong Hội đồng trường, đề nghị cấp trên kiện toàn để đảm bảo Hội đồng trường hoạt động đúng cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường tiểu học tại Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020. Tiếp tục phát huy tốt vai trò nhiệm vụ, chức năng các thành viên trong Hội đồng trường và các hội đồng khác nhằm nâng cao chất lượng hoạt động trong việc huy động, giám sát các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có Chi bộ Đảng trực thuộc Đảng bộ xã Long Mai [H3-1.3-01]. Năm học 2021-2022 Chi bộ gồm có 15 đảng viên chiếm tỉ lệ 44.1% so với tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường [H3-1.3-02]. Tổ chức Công đoàn trực thuộc Liên đoàn Lao động huyện Minh Long [H3-1.3-08], gồm có 34 đoàn viên [H3-1.3-10]. Tổ chức Đội TNTPHCM gồm 11 Chi đội và 10 Sao nhi đồng [H3-1.3-17].

Các tổ chức đoàn thể hoạt động đúng theo tôn chỉ, mục đích và Điều lệ quy định, dưới sự lãnh đạo của chi bộ nhà trường [H3-1.3-04], [H3-1.3-05], [H3-1.3-09], [H3-1.3-17].

Hàng năm, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đều được các cấp có thẩm quyền nhận xét, đánh giá [H3-1.3-07], [H3-1.3-15], [H3-1.3-18].

Mức 2

Chi bộ nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định hiện hành. Đại hội chi bộ được tổ chức 5 năm 2 lần do đồng chí Hiệu trưởng nhà trường làm Bí thư, đồng chí Phó hiệu trưởng nhà trường làm Phó bí thư [H3-1.3-01]. Thực hiện tốt vai trò lãnh đạo trong nhà trường, trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Chi bộ liên tục đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh [H3-1.3-07].

Các tổ chức đoàn thể và tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường, ổn định tốt nề nếp sinh hoạt học tập, nâng cao chất lượng dạy và học, xây dựng khối đoàn kết nội bộ [H3-1.3-06], [H3-1.3-15], [H3-1.3-18].

Mức 3

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Chi bộ liên tục đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ và nhiều năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H3-1.3-07].

Các tổ chức đoàn thể và tổ chức khác có đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường, làm nòng cốt trong việc liên kết, phối hợp với các tổ chức, các lực lượng xã hội khác tham gia hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, góp phần giáo dục toàn diện nhân cách học sinh [H3-1.3-06].

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức khác trong nhà trường đã được thành lập đúng theo quy định của Điều lệ của mỗi tổ chức; thành phần cơ cấu phù hợp có tác động mạnh nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục và các hoạt động tại đơn vị, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của huyện nhà.

Các tổ chức đã xây dựng được kế hoạch, Nghị quyết hoạt động hàng năm, định kỳ sinh hoạt đã rà soát các chỉ tiêu đồng thời điều chỉnh phù hợp với từng giai đoạn.

3. Điểm yếu

Các thành viên trong Ban chấp hành Công đoàn đều làm công tác kiêm nhiệm, phần lớn thời gian dành cho công tác giảng dạy là chính nên thời gian đầu tư nhiều cho các hoạt động Công đoàn đôi khi còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ vững kỉ cương, tăng cường đoàn kết, coi trọng chất lượng hiệu quả. Làm tốt công tác chính trị, tư tưởng của một Chi bộ cơ quan mà cụ thể là công tác tổ chức và lãnh đạo chuyên môn. Phát huy vai trò gương mẫu, xung kích của các đoàn thể trong đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiện nay, trường có 01 Hiệu trưởng được bổ nhiệm theo Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Minh Long [H4-1.4-01] và có 01 Phó Hiệu trưởng được bổ nhiệm theo Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện Minh Long [H4-1.4-02].

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đủ số lượng theo Điều lệ trường tiểu học quy định. Trường gồm có 06 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng được thành lập và bổ nhiệm theo quyết định của Hiệu trưởng và hoạt động theo quy định tại Điều 14 và điều 15 Thông tư số 28/2020/TT-BDGĐT ngày 4/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học [H4-1.4-03], [H4-1.4 -04].

Mỗi năm học, các tổ xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể theo tuần, tháng, năm học nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục phù hợp với đặc điểm tình hình của tổ [H4-1.4 -04]. Các tổ thực hiện sinh hoạt tổ theo qui định 2 tuần 1 lần và sinh hoạt chuyên môn mới cụ thể, thiết thực [H4-1.4 -04], [H4-1.4 -05], [H4-1.4 -06], [H4-1.4 -07].

Mức 2:

Hàng năm, tổ chuyên môn đều tổ chức thực hiện ít nhất 01 chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá học sinh. Qua đó đã giúp giáo viên trong tổ nâng cao được trình độ chuyên môn nghiệp vụ, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục trong nhà trường [H4-1.4-06].

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được nhà trường theo dõi, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh theo định kỳ, để kịp thời chỉ đạo, góp ý và định hướng cho tổ hoạt động, giúp cho tổ tìm ra những biện pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của tổ và chất lượng giảng dạy, chủ nhiệm lớp đạt hiệu quả thiết thực [H1-1.1-06].

Mức 3:

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ trường tiểu học và có chất lượng về chương trình, kế hoạch, nội dung dạy học, các nhiệm vụ trọng tâm về đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới sinh hoạt chuyên môn, đổi mới cách đánh giá học sinh, các chuyên đề bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh đọc chậm, viết chậm, tính toán chậm [H4-1.4 -04]. Tuy nhiên, công tác báo cáo kết quả hoạt động theo tháng của các tổ đôi lúc chưa kịp thời [H1-1.1 -06].

Cuối mỗi năm học các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đã trực tiếp tham gia đánh giá xếp loại viên chức, chuẩn nghề nghiệp cho tổ viên của mình công bằng khách quan, đúng quy định hiện hành [H4-1.4 -05], [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Các tổ chức trong nhà trường, tổ chuyên môn, tổ văn phòng được thành lập kịp thời, đúng thành phần và hoạt động đúng quy định, góp phần nâng cao chất

lượng hoạt động trong việc nâng cao chất lượng của nhà trường, luôn đề ra biện pháp để bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho từng thành viên của tổ.

Trường có cơ cấu tổ chuyên môn, tổ văn phòng hợp lý, giúp hiệu trưởng điều hành tốt các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định song việc báo cáo kết quả hoạt động theo tháng đôi lúc chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy tốt vai trò nhiệm vụ, chức năng các tổ chuyên môn, tổ văn phòng trong nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Chỉ đạo các tổ chuyên môn đổi mới sinh hoạt chuyên môn từ việc lập kế hoạch, chọn chuyên đề và tổ chức thực hiện theo trọng tâm từng năm học và thực tế đội ngũ, nâng cao chất lượng hoạt động tổ chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;
- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong những năm qua, nhà trường luôn có đủ các khối lớp từ 1-5 theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Năm học 2022-2023, trường có 18 lớp với 367 học sinh, bình quân 20,4 học sinh/lớp. Trong đó học sinh nữ 157 em, chiếm tỉ lệ 42,7%; học sinh dân tộc 343 em, chiếm tỉ lệ 93,4% [H6-1.5-01], [H6-1.5-02].

Lớp học tổ chức theo quy định của Điều lệ trường tiểu học và được quản lý thông qua giáo viên chủ nhiệm lớp và đội ngũ cán bộ lớp (Hội đồng tự quản) gồm: 01 lớp trưởng (chủ tịch Hội đồng tự quản), 02 lớp phó (phó chủ tịch Hội đồng tự quản), mỗi lớp được chia thành 03 tổ, mỗi tổ có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó [H6-1.5-03].

Vào đầu mỗi năm học, giáo viên chủ nhiệm lớp tổ chức cho học sinh bầu Hội đồng tự quản lớp và phân công trách nhiệm cho từng thành viên Hội đồng tự quản thực hiện nhiệm vụ theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, có thể thay đổi do yêu cầu nhiệm vụ và đề xuất của lớp [H6-1.5-04]. Thông tin học sinh, lớp học, khóa học được nhà trường ghi chép đầy đủ và sổ đăng bộ học sinh hằng năm [H6-1.5-05]. Giáo viên chủ nhiệm xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp cụ thể theo tuần, tháng, năm học nhằm thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, đồng thời theo dõi

và tổng kết báo cáo các hoạt động của lớp vào tiết sinh hoạt lớp cuối tuần [H7-1.5-06].

Mức 2:

Năm học 2022-2023, trường có 18 lớp với 367 học sinh, bình quân 20,4 học sinh/lớp. Trường có 3 điểm trường và tất cả học sinh của trường đều được học 2 buổi/ngày, chiếm tỉ lệ 100%. Mỗi lớp học 2 buổi/ ngày được bố trí 01 phòng học để tổ chức các hoạt động học tập văn hóa, các hoạt động khác có thể tổ chức tại sân trường, các phòng học bộ môn tin học, âm nhạc, tiếng anh và các địa điểm khác tùy theo nội dung học tập [H6-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5, mỗi lớp có 01 giáo viên làm công tác chủ nhiệm và có đủ giáo viên giảng dạy bộ môn. Mỗi lớp có lớp trưởng, lớp phó và các tổ có tổ trưởng, tổ phó (Hội đồng tự quản). Số lượng học sinh trong 01 lớp không quá 35 em, đảm bảo theo quy định. Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ [H6-1.5-03].

Số lớp học 2 buổi/ngày chiếm tỉ lệ 100%, môi trường giáo dục an toàn, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên và học sinh thực hiện các hoạt động giáo dục và nâng cao chất lượng dạy và học [H6-1.5-01].

3. Điểm yếu

Hội đồng tự quản ở các lớp Một các em còn nhỏ nên khả năng tổ chức và điều hành lớp học còn hạn chế. Số học sinh học ở điểm trường lẻ (điểm Kỳ Hát) chưa được hưởng thụ đầy đủ các cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy tốt vai trò nhiệm vụ, chức năng của các Hội đồng tự quản lớp học nhằm nâng cao chất lượng hoạt động điều hành và tự quản lớp.

Giáo viên chủ nhiệm tiếp tục phát huy việc xây dựng kế hoạch tổ chức lớp học linh hoạt theo trình độ học sinh. Xây dựng các nhóm học tập hợp lý giữa học sinh hoàn thành tốt với học sinh chưa hoàn thành trong từng lớp, tạo không khí thi đua học tập cho các em. Tăng cường tổ chức các phong trào thi đua giữa các khối lớp trong năm, để tạo điều kiện cho tất cả học sinh được tham gia và phát huy năng lực của mình. Nhà trường cần có kế hoạch đưa các em học sinh ở điểm lẻ (điểm Kỳ Hát) về điểm trường Minh Xuân để học sinh được hưởng các điều kiện và quyền lợi học tập tốt nhất.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Công tác lưu trữ hồ sơ của nhà trường đúng quy định của Luật lưu trữ theo Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H8-1.6-01]; có lưu hồ sơ CBGVNV hằng năm [H8-1.6-02]. Hệ thống công văn đã được lưu trữ nhiều năm và theo dõi trên sổ theo dõi công văn đi, công văn đến của trường [H9-1.6-03]; Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành, được thông qua tập thể và có sự thống nhất trong nhà trường [H9-1.6-04].

Hàng năm, nhà trường thực hiện lập dự toán [H10-1.6-09], thực hiện thu chi quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính [H10-1.6-08], cơ sở vật chất [H9-1.6-05], Sổ tài sản cố định [H9-1.6-07] công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H9-1.6-05], [H10-1.6-08], [H1-1.1-06].

Nhà trường thực hiện nghiêm túc công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, đất đai, cơ sở vật chất đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ tốt các hoạt động giáo dục. Hàng năm có Quyết định thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản theo đúng quy định hiện hành [H9-1.6-05].

Mức 2:

Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường, sử dụng các phần mềm quản lý, cập nhật kịp thời và chính xác các thông tin số liệu theo quy định [H9-1.6-06].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của cấp trên [H10-1.6-08].

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, trung hạn để tạo nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện thực tế. Tuy nhiên, các giải pháp huy động nguồn tài chính để xây dựng nhà trường chưa thực sự hiệu quả, nên các chỉ tiêu về xây dựng cơ sở vật chất, tạo cảnh quan trường học còn chậm [H1- 1.1-06], [H2-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường xây dựng đầy đủ các loại hồ sơ theo quy định của Điều lệ trường tiểu học, nội dung phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương và nhà trường. Công tác tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, các nguồn kinh phí của đơn vị được quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích.

Xây dựng được quy chế chi tiêu nội bộ hợp lí với kinh phí được phân bổ hàng năm đảm bảo thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc huy động các nguồn lực để đầu tư, hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất trong trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tích cực tham mưu các cấp, làm tốt công tác xã hội hóa, tăng cường huy động các nguồn tài chính hợp pháp theo từng năm học để cải thiện cơ sở vật chất của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong kế hoạch năm học của Nhà trường [H2-1.2-05] đều đề cập đến công tác xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên về chuyên môn nghiệp vụ, chính trị, tư tưởng [H12-1.7-09]. Hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên cho Cán bộ quản lý, giáo viên theo quy chế BDTX ban hành kèm theo Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công văn hướng dẫn học tập BDTX của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Minh Long, tổ chức học tập và đánh giá nghiêm túc [H11-1.7-01]. Tất cả thông tin của Cán bộ, giáo viên nhân viên đều được ghi chép đầy đủ, cẩn thận vào sổ đăng bộ giáo viên [H11-1.7-02]. Tạo điều kiện cho CBQLGVNV tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cử Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ do ngành tổ chức [H11-1.7-03]. Tuy nhiên vẫn còn một số giáo viên khả năng tiếp cận Tiếng Anh, Tin học còn hạn chế, số giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019 đồng [H1-1.1-06], [H2-1.2-03], [H12-1.7-09]. Hằng năm, nhà trường đều phân công nhiệm vụ cho CBGVNV đảm bảo đúng chuyên môn nghiệp vụ, sở trường công tác [H6-1.5-01]. Đa số CBQLGVNV đều đạt chuẩn đào tạo [H12-1.7-05], [H12-1.7-09].

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về khen thưởng, lương và các khoản phụ cấp khác kịp thời [H12-1.7-06], [H12-1.7-07], [H12-1.7-08].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường luôn có các biện pháp để phát huy năng lực của Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục như: Thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề nhằm hỗ trợ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên [H4-1.4-06], [H12-1.7-09]. Tổ chức Hội thi GVĐG cấp trường và tham gia Hội thi GVĐG các cấp, qua đó giúp giáo viên từng bước nâng cao được tay nghề [H2-1.2-09], [H12-1.7-07], [H3-1.3-10].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng, nhiều giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019, nhiều giáo viên nhiệt tình có trách nhiệm trong công việc, tích cực học hỏi, mạnh dạn đổi mới phương pháp dạy học, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy. Nhà trường luôn có các biện pháp để phát huy năng lực của Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong nhà trường.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều được đảm bảo quyền lợi, chế độ chính sách theo quy định.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên khả năng tiếp cận CNTT, Tin học, Tiếng Anh còn hạn chế, ngại khó khi ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn, khuyến khích tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy, tổ chức trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng sư phạm, tạo điều kiện cho giáo tự học, tự nghiên cứu để nâng dần chất lượng của đội ngũ nhà giáo.

Tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và giảng dạy để đem lại hiệu quả cao hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nghị quyết Nhà trường hằng năm [H13-1.8-01] của nhà trường được đưa ra phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường làm căn cứ cho Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục theo năm, học kỳ, tháng, tuần và các kế hoạch khác đầy đủ, kịp thời [H2-1.2-05]. Để thực hiện tốt các hoạt động

giáo dục thì trình độ chuyên môn nghiệp vụ của CBGVNV phải đảm bảo theo chuẩn trình độ giáo viên [H11-1.7-02] và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo của Chính phủ. Các hoạt động chuyên môn của Nhà trường được tổ chức đúng kế hoạch và có minh chứng cụ thể [H13-1.8-02]. Hồ sơ về thông tin học sinh và lớp học được nhà trường ghi chép, lưu trữ cụ thể trong sổ đăng bộ học sinh [H6-1.5-05].

Mức 2:

Nhà trường thường xuyên có các biện pháp theo dõi, chỉ đạo các hoạt động giáo dục, việc quản lý học sinh của giáo viên [H2-1.2-05], [H1-1.1-06] vì thế nên các hoạt động của nhà trường triển khai diễn ra đồng bộ và có hiệu quả. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được ngành cấp trên đánh giá cao [H13-1.8-03], [H13-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch hoạt động giáo dục năm học, học kỳ, tháng, tuần của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, có tính khả thi, đảm bảo quy định.

Tình hình nhà trường ổn định, học sinh ngoan hiền, giáo viên tích cực tham gia công việc trường lớp. Các hoạt động của nhà trường triển khai đồng bộ và hiệu quả.

3. Điểm yếu:

Do đặc điểm địa phương miền núi, kinh tế còn khó khăn, học sinh là người đồng bào dân tộc thiểu số Hre chiếm số lượng đông nên, trình độ hiểu biết và tiếp thu còn chậm, khó khăn trong việc phát triển ngôn ngữ Tiếng Việt cho các em học sinh nhất là các khối lớp nhỏ, những khối lớp đầu cấp, các em chưa biết và hiểu được Tiếng Việt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục triển khai các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục đạt hiệu quả hơn nữa trong mọi tình huống. Tìm các giải pháp thiết thực, sáng tạo để nâng cao chất lượng dạy học và phong trào, nâng cao chất lượng giáo dục học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nghị quyết Nhà trường hằng năm [H13-1.8-01] đều có kế hoạch xây dựng hồ sơ quy chế công khai [H14-1.9-01], cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng nội quy, quy chế cơ quan trong hội nghị Viên chức – người lao động hằng năm [H14-1.9-02]. Giữa Ban giám hiệu và Ban chấp hành Công đoàn đều có cam kết trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể [H3-1.3-13]. Quy chế phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội được hiệu trưởng nhà trường ban hành và được phổ biến rộng rãi đến các tổ chức cá nhân có liên quan [H14-1.9-03]. Đầu năm hành chính, sau khi được cấp có thẩm quyền phân khai kinh phí, Nhà trường và Công đoàn đều bàn bạc và đưa ra thông nhất trước tập thể quy chế chi tiêu nội bộ [H8-1.6-04]. Báo cáo của ban thanh tra nhân dân trường học đều đánh giá tổng quát và chi tiết về các mặt hành chính, tài chính, tài sản, giáo dục của nhà trường [H14-1.9-04]. Nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, nhà trường xây dựng quy chế dân chủ cơ sở [H14-1.9-05] và có báo cáo hằng năm về việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở ở đơn vị [H14-1.9-06].

Mức 2:

Thông qua Nghị quyết hội nghị Viên chức – người lao động hằng năm đã quy định các thành phần giám sát việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường. Thông qua kiểm tra, giám sát để đánh giá đúng tình hình, kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó phát huy ưu điểm, chấn chỉnh khắc phục hạn chế, khuyết điểm, xử lý nghiêm minh khi có sai phạm, góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi các mục tiêu và nhiệm vụ của đơn vị. Đảm bảo công khai, dân chủ, đúng quy trình, quy định, tiếp tục đổi mới phương pháp, từng bước cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực hiệu quả việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.1-06], [H3-1.3-10],[H14-1.9-04], [H14-1.9-06] [H12-1.7-09].

2. Điểm mạnh

Xây dựng hồ sơ đầy đủ và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt qui chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Hàng năm nhà trường rà soát, điều chỉnh và bổ sung quy chế dân chủ của đơn vị và lập báo cáo các cấp quản lý yêu cầu. Nội bộ đoàn kết nhất trí và quan tâm giúp đỡ nhau.

3. Điểm yếu

Ban Thanh tra nhân dân trường học phải kiêm nhiệm và chưa có nghiệp vụ chuyên môn. Tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình tuy đã có chuyển biến nhưng chưa thật sự rõ nét và hiệu quả của hoạt động này còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu với các cấp tổ chức tập huấn công tác Thanh tra nhân dân trường học. Tiếp tục duy trì phát huy quyền dân chủ của CBGVNV và học sinh trong nhà trường để CBGVNV mạnh dạn đấu tranh, phê bình.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, để đảm bảo an toàn cho CBGVNV và học sinh, nhà trường đã xây dựng các phương án: Phòng cháy chữa cháy [H15-1.10-01]. Kế hoạch phòng, chống các tệ nạn xã hội [H15-1.10-02]; Kế hoạch phòng, chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn [H15-1.10-03]. Đồng thời nhà trường phối hợp với trạm y tế xã Long Mai thực hiện tiêm phòng định kỳ, theo dõi sức khỏe cho học sinh [H15-1.10-04], thực hiện cam kết với cơ quan Công an về phương án đảm bảo An ninh trật tự, An toàn giao thông, tổ chức cho học sinh các lớp ký cam kết về An toàn giao thông [H15-1.10-05].

Nhà trường có hộp thư góp ý được niêm yết tại văn phòng [H15-1.10-06] và cung cấp số điện thoại của nhà trường để làm đường dây nóng tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân và phụ huynh học sinh [H15-1.10-07].

Trong những năm qua, học sinh học tại trường không có hiện tượng kỳ thị nhau, không có hiện tượng vi phạm về giới, bạo lực học đường và các tệ nạn xã hội khác [H15-1.10-08].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường phổ biến hướng dẫn cho tất cả CBQLGVNV và học sinh thực hiện phương án: Đảm bảo an ninh trật tự, An toàn giao thông ; vệ sinh

an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống cháy nổ; phòng chống dịch bệnh; phòng chống bạo lực gia đình; bạo lực học đường trong nhà trường. Lòng ghép trong các buổi chào cờ đầu tuần, Hoạt động ngoại khóa, Sinh hoạt chuyên môn,... nhà trường đã quán triệt, triển khai cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường thực hiện tốt các phương án phòng chống đã xây dựng nêu trên. Tuy nhiên việc chấp hành đội mũ bảo hiểm của một số học sinh khi ngồi trên xe máy chưa tốt [H2-1.2-04], [H1-1.1-06], [H15-1.10-01], [H15-1.10-03], [H15-1.10-04], [H15-1.10-05]. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả nên trong thời gian qua không có bạo lực học đường, tình hình an ninh trật tự trường học được đảm bảo [H15-1.10-08].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường có phương án kịp thời về an ninh trật tự, an toàn trường học, đề phòng chống cháy nổ; tai nạn thương tích, các hiểm họa thiên tai; An toàn giao thông. Nhà trường đã có biện pháp tuyên truyền nâng cao việc phòng chống dịch bệnh cho giáo viên và học sinh. Công tác an toàn về an ninh trật tự trường học cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đảm bảo tốt. Vì vậy, từ trước đến nay nhà trường chưa xảy ra một trường hợp nào mất an toàn đối với giáo viên và học sinh. Không có hiện tượng kì thị, vi phạm về giới và bạo lực học đường xảy ra trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường không có nhân viên y tế, nên việc xây dựng hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh còn hạn chế.

Việc chấp hành đội mũ bảo hiểm của một số học sinh khi ngồi trên xe máy chưa tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu với cấp trên bổ sung một biên chế nhân viên y tế học đường để việc theo dõi sức khỏe cho học sinh kịp thời.

Tiếp tục phối hợp với trạm y tế xã Long Mai tăng cường khám bệnh cho học sinh, tư vấn về kiến thức chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho các em.

Tích cực tham mưu với công an xã tổ chức tuyên truyền Luật giao thông đường bộ cho nhân dân trên địa bàn dân cư để nhân dân nắm và thực hiện tốt.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh: Nhà trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp mục tiêu giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường. Đồng thời xác định rõ phương hướng được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo theo trình tự, đảm bảo tính pháp lý và được công bố công khai nhằm tìm kiếm sự đồng thuận của CBGVNV và cộng đồng để hoàn thành sứ mệnh của nhà trường theo từng năm học. Các tổ chức Hội đồng trường, Chi bộ Đảng, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường được thành lập theo đúng quy định và hoạt động có hiệu quả. Hàng năm biên chế lớp học, học sinh theo đúng quy định Điều lệ trường tiểu học. Công tác quản lý hành

chính và triển khai các hoạt động Giáo dục toàn diện cho học sinh được tiến hành theo một nề nếp khoa học, có sự phối hợp đồng bộ với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, góp phần đẩy mạnh chất lượng dạy - học. Nhà trường luôn quan tâm tới công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền lợi và chế độ nhà nước ưu đãi theo quy định hiện hành. Hàng năm nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, đặc điểm của đơn vị và có đánh giá, rà soát, điều chỉnh kịp thời. Trường triển khai thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo an ninh trật tự; phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường, tạo được môi trường giáo dục lành mạnh thân thiện thu hút học sinh.

Điểm yếu cơ bản: Công tác quản lý và giảng dạy của Cán bộ, giáo viên nhà trường đã có nhiều cố gắng song vẫn còn có mặt hạn chế, cuối năm học vẫn còn học sinh chưa hoàn thành.

***Tự đánh giá:**

- Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10, tỷ lệ 100%
- Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 0, tỷ lệ 0%

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường có trình độ chuyên môn đạt chuẩn, có năng lực chuyên môn vững vàng, tận tâm tận lực với sự nghiệp giáo dục đào tạo của nhà trường, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ ở từng vị trí, tạo sức mạnh tổng hợp tiếp tục xây dựng và phát triển nhà trường.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Mức 1.

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định.
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên.
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2.

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên.

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về bồi dưỡng chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức đạt tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ GD-ĐT Quy định về chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có trình độ đại học sư phạm [H16-2.1-01], [H16-2.1-06]. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng

đã tốt nghiệp lớp Cán bộ quản lý giáo dục tiểu học [H16-2.1-02], [H16-2.1-08] có chứng chỉ Tin học [H16-2.1-03], [H16-2.1-09], tiếng Anh [H16-2.1-04], [H16-2.1-10] và đã có Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp [H16-2.1-05],[H16-2.1-11]. Phó hiệu trưởng tốt nghiệp sơ cấp lý luận chính trị [H16-2.1- 07] và tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị- hành chính [H16-2.1-16].

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng có phẩm chất chính trị tốt, đạo đức, lối sống lành mạnh, năng lực chuyên môn nghiệp vụ vững vàng; hàng năm được Phòng Giáo dục và UBND huyện đánh giá từ loại hoàn thành tốt trở lên, đánh giá về chuẩn nghề nghiệp hàng năm của Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được tập thể nhà trường và Phòng GD-ĐT xếp loại tốt [H16-2.1-12], [H16-2.1-13]

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng, được đánh giá tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục do Sở, Phòng tổ chức [H13-1.7-03].

Mức 2:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến năm 2022, Hiệu trưởng đều được tập thể nhà trường và Phòng GD-ĐT huyện Minh Long đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng mức tốt. [H16-2.1-13]; Phó hiệu trưởng được bổ nhiệm [H4-1.4-02] từ tháng 08 năm 2016 đến nay được đánh giá 4 năm đạt mức tốt [H16-2.1-12]. Nhiều năm liền Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở [H16-2.1-14]

Hiệu trưởng đã hoàn thành lớp Cán bộ quản lý giáo dục tiểu học [H16-2.1-02], được giáo viên trong trường tín nhiệm cao [H16-2.1-15], [H1-1.1-05]. Phó hiệu trưởng đã hoàn thành lớp sơ cấp lý luận chính trị- hành chính [H16 - 2.1-07] và đã kinh qua lớp Trung cấp lý luận chính trị [H16-2.1-16], được giáo viên trong trường tín nhiệm cao [H16-2.1-15], [H1-1.1-05].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến năm 2022, Hiệu trưởng đều được tập thể nhà trường và Phòng GD-ĐT huyện Minh Long đánh giá chuẩn hiệu trưởng đạt mức tốt [H16-2.1-12]; Phó hiệu trưởng đạt mức Tốt [H16-2.1-13].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng nhà trường có trình độ nghiệp vụ chuyên môn vững vàng, có năng lực quản lý, điều hành, triển khai thực hiện hiệu quả các hoạt động giáo dục trên địa bàn, có phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng chính trị vững vàng. Được tập thể nhà trường, lãnh đạo các cấp và chính quyền địa phương tin tưởng tín nhiệm.

3. Điểm yếu

Việc sử dụng ngoại ngữ của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong chuyên môn còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng tích cực học tập nâng cao trình độ mọi mặt để đáp ứng yêu cầu quản lý giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

5.Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% GV đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2021-2022, trường có 29 giáo viên trong đó có: 22 giáo viên chủ nhiệm, 7 giáo viên bộ môn và 1 giáo viên làm Tổng phụ trách Đội TNTPHCM. Số lượng giáo viên đảm bảo 1,5 giáo viên/lớp, đủ để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học [H1-1.1-06], [H5-1.5-01] có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội TNTPHCM [H3-1.3-16].

Tính đến tháng 12 năm 2022, trình độ chuyên môn của giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo Luật giáo dục 2019 là 14/29 người, chiếm tỷ lệ 48,2%. Những giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019 được Nhà trường tạo điều kiện tham gia các lớp nâng chuẩn trình độ đào tạo theo diện tự túc (6 GV đang tham gia học) và học theo diện nâng chuẩn theo Nghị định 71/2020/NĐ-CP ngày 30/06/2020 của Chính phủ về quy định lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo. Số giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo còn lại (6 GV) gần đến tuổi nghỉ hưu, đang có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 143/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020.

Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học năm học 2021-2022: Xếp loại Tốt 9/31 CBGV, chiếm tỷ lệ 29%, xếp loại Khá 18/31 CBGV chiếm tỷ lệ 58%, xếp loại Đạt 2/31 CBGV chiếm tỷ lệ 6,4%, xếp loại Chưa đạt 2/31 CBGV chiếm tỷ lệ 6,4% (2 GV nghỉ hưu trước tuổi 2021-2022) [H17-2.2-03].

Mức 2:

Trường TH Long Mai nằm trên địa bàn xã khó khăn khu vực III [H17-2.2-04]. Tính đến thời điểm tháng 12/2022, nhà trường chưa có CBGVNV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo theo Luật giáo dục 2019 [H12-1.7-06], [H17-2.2-01].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến năm học 2021-2022, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Đạt trở lên, trong đó có trên 90% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Khá trở lên [H17-2.2-03]. Nhà trường vẫn còn CBGV đánh giá Chuẩn nghề nghiệp Chưa đạt do các CBGV đăng ký nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 143/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020.

Trong nhiều năm qua, nhà trường không có giáo viên nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H1-1.1-06], [H17-2.2-02], [H17-2.2-03].

Mức 3:

Tính đến tháng 12/2022, Trình độ đào tạo của CBGVNV của nhà trường: Đại học: 14/34 CBGVNV chiếm tỷ lệ 41,1%, Cao đẳng 16/34 chiếm tỷ lệ 47%, Trung cấp (1 giáo viên và 1 nhân viên): 2/34 chiếm tỷ lệ 5,8%, THPT (bảo vệ) 2/43 chiếm tỷ lệ 5,8%. Nhà trường chưa có CBGVNV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo theo Luật giáo dục 2019 [H12-1.7-06], [H17-2.2-01].

Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học trong 5 năm liên tiếp có 100% từ loại Đạt trở lên, tỷ lệ giáo viên đạt loại tốt, loại khá chiếm tỷ lệ cao [H17-2.2-03],[H1-1.1-06]. Giáo viên có thành tích được nhà trường khen thưởng hàng năm [H12-1.7-07].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên nhà trường đảm bảo dạy tốt các môn bắt buộc, được phân công dạy đúng chuyên môn đào tạo. Giáo viên đều được nhà trường tạo điều kiện để thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh.

Giáo viên đều có ý thức học tập để nâng cao trình độ đào tạo chuẩn và trên chuẩn;

Chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có ý thức học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Để nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên, nhà trường đã khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho giáo viên tham dự các lớp học tập, bồi dưỡng nâng chuẩn.

3. Điểm yếu

Còn nhiều giáo viên chưa đáp ứng chuẩn trình độ đào tạo theo Luật giáo dục 2019 (số liệu đến tháng 12/2022 còn 16 GVNV chưa có trình độ Đại học).

Nhà trường chưa có CBQLGV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo (trình độ thạc sĩ trở lên)

Nhiều giáo viên lớn tuổi chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo ngại khó khi tham gia các lớp học nâng chuẩn trình độ đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thường xuyên động viên, đôn đốc giáo viên nêu cao vai trò trách nhiệm, phân đấu học tập, tự học để nâng cao trình độ trên chuẩn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tạo được nhiều gương điển hình tiên tiến.

Tham mưu với Phòng GD-ĐT có kế hoạch điều động, luân chuyển giáo viên tạo nên sự cân bằng giữa các môn, không để tình trạng có sự chênh lệch số tiết giữa các giáo viên.

Tiếp tục xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo của trường, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học đạt chuẩn và trên chuẩn theo Luật Giáo dục 2019, động viên giáo viên tham gia thi thăng hạng hằng năm, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tiếng Anh (tiếng H're), Tin học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong năm học 2021-2022 nhà trường đã phân công, bố trí vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên như sau: 01 nhân viên Kế toán [H18-2.3-02], 01 giáo viên kiêm nhiệm công tác Thư viện; 01 giáo viên kiêm nhiệm công tác Thiết bị; công tác y tế trường học thực hiện hợp đồng với Trạm Y tế xã đảm nhận công tác y tế cả trường [H18-2.3-03].

Với sự phân công, phân nhiệm như trên đã đảm bảo vị trí việc làm theo qui định của trường tiểu học, phù hợp với năng lực chuyên môn, trình độ đào tạo đồng thời phát huy năng lực của từng nhân viên [H17-2.2-01].

Nhà trường tiến hành phân công, phân nhiệm, rõ ràng, bố trí vị trí việc làm hợp lý, phù hợp với năng lực, sở trường công tác; từ đó tạo động lực để từng nhân viên, giáo viên của trường tự giác phát huy năng lực, ý thức trách nhiệm, lòng nhiệt tình trong công tác hướng đến mục tiêu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H18-2.3-01], [H1-1.1-06], góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Năm học 2021-2022 nhà trường đã phân công, bố trí đầy đủ các vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên. Với sự phân công, phân nhiệm như trên đã đảm bảo

vị trí việc làm theo qui định của trường tiểu học, phù hợp với năng lực chuyên môn, trình độ đào tạo đồng thời phát huy năng lực của từng nhân viên; [H17-2.2-01].

Trong nhiều năm qua, nhà trường không có nhân viên nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H18-2.3-01], [H1-1.1-06].

Mức 3:

Nhân viên có trình độ đạt chuẩn theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành được phân công, nhân viên kế toán có trình độ trung cấp Kế toán [H8-1.6-02]; [H17-2.2-01].

Hàng năm các nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí công việc [H11-1.7-03].

2. Điểm mạnh

Nhân viên, giáo viên của nhà trường được phân công nhiệm vụ hợp lý, phù hợp theo năng lực, phát huy được tinh thần trách nhiệm để hoàn thành tốt các công việc được giao.

3. Điểm yếu

Hiện tại có 01 biên chế nhân viên kế toán trình độ Trung cấp chưa đi học nâng chuẩn trình độ Đại học, các vị trí việc làm khác đều phân công giáo viên kiêm nhiệm hoặc phải hợp đồng có thời hạn 1 năm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tham mưu với UBND huyện Minh Long, phòng Nội vụ huyện Minh Long, phòng GD-ĐT huyện Minh Long tuyển dụng bổ sung đủ nhân viên còn thiếu khi tinh tổ chức thi tuyển viên chức.

Làm tốt công tác bồi dưỡng đội ngũ tại chỗ, tạo điều kiện để tham gia các lớp bồi dưỡng công tác văn thư lưu trữ, công tác tự học nâng chuẩn trình độ của nhân viên, thường xuyên theo dõi để tư vấn thúc đẩy những mặt hạn chế của nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực;

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, tất cả học sinh đều đảm bảo về độ tuổi theo quy định tại Điều 33-Thông tư 28/2020-TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học. Học sinh được lập danh sách theo từng lớp, có đầy đủ các thông tin [H6-1.5-05]; có các

loại số theo dõi HS, cập nhật đầy đủ các thông tin có liên quan [H19-2.4-03], [H20-2.4-05], [H22-2.4-07].

Học sinh đã thực hiện đầy đủ 05 nhiệm vụ theo quy định của Điều 34- Thông tư 28/2020-TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học: Thực hiện đầy đủ và có kết quả hoạt động học tập; chấp hành nội quy nhà trường; giữ gìn sách vở và đồ dùng học tập. Hiếu thảo với cha mẹ, ông bà; kính trọng, lễ phép với thầy giáo, cô giáo, nhân viên và người lớn tuổi; đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè, người khuyết tật và người có hoàn cảnh khó khăn. Thực hiện tốt quy định về các hành vi học sinh không được làm: Vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể người khác, gian dối trong học tập, kiểm tra, gây rối an ninh, trật tự trong nhà trường và nơi công cộng. Một số em có hoàn cảnh khó khăn nên điều kiện học tập còn hạn chế, chưa thật tự giác trong học tập và các hoạt động khác, các em học sinh ở điểm trường Kỳ Hát quá xa điểm trường Trung tâm nên các em chưa được tiếp cận nhiều với các phương tiện, CSVC hiện đại mà điểm trường Kỳ Hát không có [H1-1.1-06], [H6-1.5-05], [H7-1.5-06], [H20-2.4-05], [H22-2.4-07];

Học sinh được đảm bảo 05 quyền theo quy định của Điều 35- Thông tư 28/2020-TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học: được học tập theo nguyện vọng; được xác nhận đủ điều kiện HTCTTH theo quy định; được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử công bằng, bình đẳng; được đảm bảo về thời gian học tập, rèn luyện ở nhà trường, đảm bảo về CSVC, vệ sinh, an toàn trong học tập và trong rèn luyện [H1-1.1-06], [H6-1.5-05], [H20-2.4-05], [H22-2.4-07].

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được giáo viên chủ nhiệm, tổng phụ trách đội và nhà trường phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực thông qua đội sao đỏ, thông qua các hoạt động ngoại khóa, các tiết chào cờ, ... [H1-1.1-06], [H7-1.5-06], [H13-1.8-01].

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện hằng năm chiếm tỷ lệ trên 25% đã có ảnh hưởng tích cực một phần đến các hoạt động của lớp và nhà trường [H1-1.1-06]; [H7-1.5-06]; [H6-1.5-05]; [H13-1.8-01]; [H19-2.4-01]; [H19-2.4-02].

2. Điểm mạnh

Độ tuổi học sinh đến trường bảo đảm theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Học sinh nhà trường trong những năm qua nhìn chung chăm học, ngoan, lễ phép, biết vâng lời người lớn, thương yêu giúp đỡ bạn; giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh trường lớp sạch sẽ. Tham gia tốt các hoạt động tập thể, cộng đồng. Những hành vi vi phạm đạo đức và các tệ nạn xã hội của các em được phát hiện kịp thời và có những biện pháp giáo dục phù hợp nên có chuyển biến tích cực.

Thực hiện đầy đủ các quyền của học sinh theo quy định tại Điều 35- Thông tư 28/2020-TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học.

3. Điểm yếu

Một số em có hoàn cảnh khó khăn nên điều kiện học tập còn hạn chế, đa số học sinh là đồng bào dân tộc thiểu số nên việc tiếp thu kiến thức còn chậm, một số phụ huynh thiếu sự quan tâm đến việc học của con em dẫn đến kết quả học tập của các em chưa cao. Các em học sinh ở điểm trường Kỳ Hát quá xa điểm Trung Tâm (cách 14km) chưa được tiếp cận nhiều với các phương tiện và CSVC hiện đại.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Bằng nhiều cách, huy động các lực lượng, các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường quyên góp, giúp đỡ về vật chất và tinh thần cho học sinh thuộc đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Đẩy mạnh các phong trào, hoạt động của nhà trường đề nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thu hút học sinh tham gia tự giác, tích cực vào các hoạt động của nhà trường. Tăng cường mối quan hệ phối hợp, động viên phụ huynh quan tâm hơn đến điều kiện học tập cho con em, phát huy chức năng, hoạt động của hội cha mẹ học sinh nhà trường. Nhà trường có kế hoạch chuyển các em học sinh lớp lớn (khối lớp 3,4,5) về điểm trường Minh Xuân học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật: Cán bộ quản lý đạt chuẩn, đủ năng lực quản lý, đạt tiêu chuẩn theo quy định; được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng cho việc thực hiện nhiệm vụ tại trường. Trường có số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo để dạy các môn học bắt buộc theo quy định; tỷ lệ giáo viên đạt trình độ Đại học cao; 100% giáo viên được xếp loại Khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học. Trường có đội ngũ nhân viên có ý thức kỷ luật trong lao động, có tinh thần đoàn kết tốt, có tinh thần học hỏi, nhiệt tình với công việc, có phong cách giao tiếp tốt trong môi trường sư phạm. Trường đảm bảo và thực hiện tốt các quy định về độ tuổi đi học của học sinh. Học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình và đúng quy định.

Điểm yếu cơ bản: Giáo viên, nhân viên kiêm nhiệm thêm công tác nên hiệu quả công việc ở vị trí kiêm nhiệm chưa cao. Trường vẫn còn vài học sinh chưa có ý thức tốt trong thực hiện nội qui lớp học, tinh thần tự quản và hợp tác chưa cao. Nhiều giáo viên và nhân viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật giáo dục 2019 và chưa có CBGV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo (trình độ Thạc sĩ trở lên).

***Tự đánh giá:**

- Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4, tỷ lệ 100%
- Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/4, tỷ lệ 0%

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Từ khi thành lập đến nay, nhà trường đã không ngừng tranh thủ các nguồn đầu tư của Nhà nước, các nguồn xã hội hóa để chăm lo xây dựng cơ sở vật chất và tăng cường trang thiết bị dạy học. Trường có tổng diện tích đất 10.141,4 m²/367 học sinh bình quân đạt 27,6 m²/học sinh. Có cây xanh bóng mát, sạch sẽ thoáng mát vào mùa hè ấm áp vào mùa đông, tại điểm trường có cổng trường,

biển tên trường, tường rào bao quanh, hệ thống nước sạch ổn định. Trường được xây dựng thành 05 khu trong đó có khu dành riêng cho Cán bộ, giáo viên và nhân viên làm việc, 03 khu dành cho học sinh học tập, 01 khu nhà công vụ.

Trường có đầy đủ phòng học và các phòng chức năng phục vụ cho hoạt động dạy và học. Phòng chức năng được trang bị tương đối đầy đủ các trang thiết bị, đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên và học sinh. Cơ sở vật chất và trang thiết bị tương đối đầy đủ và hiện đại, nhìn chung đảm bảo yêu cầu giáo dục trong giai đoạn hiện nay, nhà trường đã phát huy tốt cơ sở vật chất hiện có, phục vụ có hiệu quả cho các hoạt động giáo dục của nhà trường một cách toàn diện. Sau đây là phân đánh giá chi tiết cho từng tiêu chí:

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;

c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Mức 2:

a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định.

b) Sân chơi, sân tập, nhà đa năng đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng :

Mức 1:

Khuôn viên nhà trường được cải tạo, thiết kế bảo đảm tính khoa học, thẩm mỹ, có nhiều cây xanh và cây bóng mát, có ghế đá đặt dưới gốc cây, cảnh quan môi trường luôn xanh - sạch - đẹp, thoáng mát, an toàn, thân thiện, thuận tiện cho các hoạt động giáo dục [H23-3.1-01].

Cổng trường được xây dựng khá kiên cố, cửa làm bằng sắt. Về hình thức và nội dung cổng và biển trường theo đúng quy định của Điều 5 tại Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT, và hướng dẫn của Sở GD-ĐT. Tường rào được xây chắc chắn bằng gạch với chiều cao 1,5m, đảm bảo độ an toàn theo quy định [H23-3.1-02]. Hiện tại nhà trường có sân chơi, sân tập thể dục thể thao đáp ứng được các hoạt động ngoài trời của học sinh [H23-3.1-03], [H23-3.1-04] và nhà đa năng đảm bảo các hoạt động vui chơi, thể dục thể thao [H23-3.1-05].

Mức 2:

Nhà trường có diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập bảo đảm theo Điều 5 Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT. Tổng diện tích toàn trường là: 10.141,4m², bình quân gần 25,1m²/HS. [H23-3.1-03]; [H1-1.1-06].

Đối với sân chơi, sân tập, nhà đa năng đảm bảo cho học sinh nhà trường luyện tập thường xuyên và hiệu quả [H23-3.1-04].

Mức 3:

Khuôn viên trường có trồng các loại cây xanh và cây bóng mát góp phần tạo ra vành đai cây xanh xung quanh khu vực trường; [H23-3.1-03], [H23-3.1-

04] sân chơi, sân tập bằng phẳng, nhà đa năng đảm bảo chuẩn đảm bảo các hoạt động trong nhà và ngoài trời cho học sinh [H23-3.1-05].

2. Điểm mạnh:

Sân trường được bê tông, có bồn hoa, có cây xanh, cây bóng mát, cảnh quan môi trường luôn xanh - sạch - đẹp, thoáng mát, an toàn, thân thiện, thuận tiện cho các hoạt động giáo dục.

Cổng trường được xây khá kiên cố, hệ thống cánh cổng bằng sắt đảm bảo chắc chắn. Có tường rào bao quanh trường đảm bảo độ an toàn.

Diện tích sân chơi đáp ứng tốt trong công tác giáo dục tại nhà trường.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa tổ chức cho học sinh trồng đa dạng các loại hoa trong sân trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tích cực tham mưu địa phương để mở rộng thêm diện tích khuôn viên trường nhằm tạo sự đa dạng sân chơi bãi tập cho học sinh.

Xây dựng kế hoạch trồng các loại hoa trong sân trường

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

a) *Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định.*

b) *Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định.*

c) *Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2:

a) *Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

b) *Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;*

c) *Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.*

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Đến thời điểm đánh giá, trường có 22 phòng học dành cho 18 lớp. Phòng học đúng quy cách, đủ ánh sáng, chất lượng xây dựng của phòng học đảm bảo quy định theo TT 13/2020 TT- BGDĐT [H24-3.2-01], [H23-3.1-03].

Trong mỗi phòng học có đủ bàn ghế cho học sinh ngồi, mỗi phòng có ít nhất 15 bộ; bàn ghế đang sử dụng là bàn 2 chỗ ngồi, ghế rời. Bảng lớp có 100% bảng chống lóa, có kích thước, màu sắc đảm bảo, bàn ghế giáo viên, theo quy định [H24-3.2-02], [H9-1.6-05].

Các phòng học có đầy đủ hệ thống đèn, quạt ; mỗi một phòng học đều có tủ đựng hồ sơ học sinh và các thiết bị dạy học [H24-3.2-03], [H9-1.6-05].

Mức 2:

Diện tích mỗi phòng học tối thiểu 50m², bình quân 1,9m²/ học sinh (tiêu chuẩn quy định tối thiểu 1.25 m²/HS) đạt tiêu chuẩn theo quy định [H24-3.2-01].

Mỗi phòng học đều có tủ đựng thiết bị dạy học, đảm bảo các thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ dạy và học tại lớp [H24-3.2-04], [H24-3.2-05].

Bàn ghế học sinh làm bằng gỗ đảm bảo quy định về kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc phù hợp với tâm sinh lý học sinh tiểu học, đảm bảo theo quy định [H24-3.2-06].

2. Điểm mạnh:

Trường có đầy đủ các phòng học để bố trí mỗi phòng/1 lớp; phòng học được xây dựng đúng quy cách. Lớp học có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học của giáo viên và học sinh. Lớp học được trang trí thân thiện, đẹp mắt.

Có đủ các phòng học, phòng học bộ môn phục vụ cho việc giảng dạy và học tập cho HS.

Quy cách, diện tích, trang thiết bị, hệ thống ánh sáng, quạt trong từng phòng học tương đối đầy đủ.

Hàng năm đơn vị dùng kinh phí chi thường xuyên để mua bổ sung và sửa chữa các trang thiết bị phục vụ nhu cầu thiết yếu cho việc dạy học.

3. Điểm yếu:

Đồ dùng, thiết bị phục vụ dạy học dạy học quá cũ nên thường xuyên bị hư hỏng.

Một số bàn ghế tại điểm Minh Xuân chưa đúng quy cách.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế hệ thống điện và quạt trần trong các phòng học đảm bảo cho hoạt động dạy - học.

Ban lãnh đạo nhà trường chỉ đạo phụ trách thiết bị tăng cường công tác kiểm tra và bảo trì định kỳ cơ sở vật chất trong nhà trường nhằm đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động dạy- học.

Sắp xếp, bố trí một phòng kho hợp lý để cất giữ các thiết bị, tiêu hủy những thiết bị đã hỏng.

Tham mưu với Phòng GD-ĐT để trang bị phòng học trực tuyến để nâng cao hiệu quả giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính-quản trị

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng :

Mức 1:

Nhà trường có khối phòng phục vụ học tập gồm: 02 Phòng học tin học, có 02 phòng thiết bị GD; 02 phòng thư viện; 02 phòng học Tiếng anh, 02 phòng Âm nhạc, 01 phòng Mỹ Thuật, cơ bản đáp ứng các yêu cầu về hoạt động giáo dục, nhưng chưa đúng theo quy định của phòng bộ môn [H25-3.3-01].

Khối phòng hành chính quản trị có phòng làm việc của HT, PHT, phòng truyền thống nhà trường, phòng hội đồng sư phạm, phòng y tế học đường; phòng tư vấn tâm lý học đường, phòng truyền thống đội TNTPHCM; phòng văn thư - kế toán đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính – quản trị của nhà trường [H25-3.3-02].

Nhà trường có 01 khu để xe cho giáo viên và học sinh, khu để xe của nhà trường được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự [H25-3.3-04], [H23-3.1-06].

Mức 2:

Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị tương đối đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động học tập và hoạt động hành chính – quản trị của nhà trường, đảm bảo theo quy định tại TT 14/2020/TT-BGDĐT [H25-3.3-02]; [H23-3.1-03].

Nhà trường có tủ hồ sơ để lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung tại văn phòng và bố trí mỗi phòng làm việc có 01 tủ hồ sơ cá nhân để lưu trữ hồ sơ riêng của bộ phận mình [H25-3.3-03].

Mức 3:

Được sự quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất của các cấp, các khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị của nhà trường có đầy đủ các thiết bị.

Khối phòng hành chính quản trị có phòng làm việc của HT, PHT, phòng truyền thống nhà trường, phòng hội đồng sư phạm, phòng y tế học đường; phòng tư vấn tâm lý học đường, phòng truyền thống đội TNTPHCM; phòng văn thư - kế toán đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính – quản trị của nhà trường có đầy đủ trang thiết bị nhằm phục vụ cho công tác của nhà trường [H25-3.3-02].

Nhà trường có 01 khu để xe cho giáo viên và học sinh, khu để xe của nhà trường được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự được bố trí hợp lý và phù hợp với từng khu vực [H25-3.3-04]; [H23-3.1-06].

2. Điểm mạnh:

Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị được xây dựng, bố trí hợp lý, thuận lợi trong quá trình quản lý và hoạt động giáo dục. Khu để xe của nhà trường được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung của nhà trường, mỗi phòng làm việc có 01 tủ hồ sơ cá nhân để lưu trữ hồ sơ riêng của bộ phận mình được đảm bảo.

3. Điểm yếu:

Các khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị của nhà trường có đầy đủ các thiết bị và chưa sắp xếp hợp lý, khoa học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tích cực tham mưu với các cấp xây dựng thêm Các phòng chức năng và phòng bộ môn ngoài các phòng phục vụ học tập đã có.

Tham mưu mua sắm, bổ sung đầy đủ các thiết bị phục vụ cho khối phòng học tập và khối phòng hành chính – quản trị, đồng thời xây dựng kế hoạch sắp xếp các trang thiết bị hiện có cho hợp lý khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Được sự quan tâm của các cấp về bảo vệ môi trường ở nơi công cộng. Hiện nay nhà trường có nhà vệ sinh nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định cho HS nam khu vệ sinh cho HS nữ. Bố trí khu vệ sinh cho giáo viên, nhân viên hợp lý. Hình ảnh khu vệ sinh của GV nam, Hình ảnh khu vệ sinh của GV nữ [H26-3.4-01].

Hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên. Nguồn nước nhà trường sử dụng từ giếng khoan có hệ thống cấp nước đảm bảo vệ sinh môi trường [H26-3.4-02], [H26-3.4-06]

Nhà trường có thùng đựng rác, có nắp đậy để chứa đựng rác tạm thời, khu tập trung rác thải được bố trí trước cổng trường. Nhà trường hợp đồng với phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Minh Long tổ chức thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường, rác được thu gom 1 lần/ tuần và được phòng Kinh tế - Hạ tầng vận chuyển đến

nơi xử lý tập trung. Không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H26-3.4-03], [H26-3.4-04].

Mức 2:

Nhà trường các khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định cho HS. Bố trí khu vệ sinh cho giáo viên, nhân viên hợp lý. Hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên. Nguồn nước nhà trường sử dụng từ giếng khoan có hệ thống cấp nước đảm bảo vệ sinh môi trường. Việc thu gom và xử lý rác thải đáp ứng quy định của Bộ GD-ĐT và Bộ Y tế.

Khu vệ sinh trường đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H26-3.4-01].

Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H26-3.4-05], [H26-3.4-06]. Tổ chức cho học sinh uống nước sạch, hợp vệ sinh (nước máy lọc) [H26-3.4-02]. Nhà trường thường xuyên tổ chức việc thu gom rác thải nên đảm bảo vệ sinh môi trường [H26-3.4-03], [H26-3.4-04]. Tuy nhiên một số hộ dân sống cạnh trường chưa có ý thức cao trong việc giữ gìn vệ sinh chung nên ảnh hưởng đến cảnh quang xung quanh trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khu vệ sinh riêng cho nam và nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo.

Hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Có hệ thống thoát nước, thu gom rác và xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường có thùng đựng, dụng cụ có nắp đậy nhưng chưa phân loại được rác thải, thùng đựng rác còn hạn chế nên không đủ cho học sinh bỏ rác thải.

Số lần thu gom rác bên tài nguyên môi trường còn quá ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tham mưu với các cấp hỗ trợ thêm thùng đựng rác có nắp để phân loại chứa đựng rác tạm thời. Và tham mưu với Tài nguyên môi trường tăng thời gian vận chuyển rác thải cho nhà trường 2 lần/ tuần.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường được sáp nhập từ ngày 19/05/2019 đến nay, được sự quan tâm và đầu tư của các cấp nên hệ thống thiết bị văn phòng và các thiết bị khác được cung cấp đủ để phục vụ các hoạt động của nhà trường. Trong đó có đầy đủ các loại máy vi tính phục vụ công tác quản lý và giảng dạy: 7 máy tính văn phòng (trong đó có 1 máy laptop), 4 đèn chiếu proreter, 4 máy in. Trong 2 phòng dạy tin học có 50 máy tính để dạy tin học.

Sở theo dõi thiết bị dạy học được cấp đủ theo danh mục đồ dùng dạy học tối thiểu, đáp ứng được yêu cầu tối thiểu cho việc phục vụ các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H27-3.5-01].

Trong quá trình dạy học các thiết bị hàng năm được kiểm kê, sửa chữa và mua bổ sung theo nhu cầu của các tổ bộ phận [H27-3.5-02], và có sổ biên bản kiểm kê thiết bị và tài sản phục vụ các hoạt động giáo dục đáp ứng yêu cầu của cán bộ , giáo viên, nhân viên và học sinh [H27-3.5-02].

Hàng năm, nhà trường đã có Quyết định thành lập Ban kiểm kê tài sản theo từng năm [H9-1.6-04].Sổ quản lý tài sản cố định [H24-3.2-04]. Hồ sơ xây dựng trường [H23-3.1-03].

Mức 2:

Hệ thống máy tính của nhà trường đều được nối Internet để phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H27-3.5-03], [H27-3.5-04]

Nhà trường có đủ thiết bị dạy học theo quy định , trong đó có một số thiết bị được cấp từ năm 2002 đến nay đã xuống cấp không còn sử dụng được. Các thiết bị được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng để lấy đảm bảo quy định của Bộ GD&ĐT tại Thông tư số 43/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT [H27-3.5-05].

Hàng năm, trường được bổ sung các thiết bị dạy học tối thiểu cho giáo viên [H27-3.5-06], [H27-3.5-07].

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả để đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục tại nhà trường [H27-3.5-05].

Trường đã đầu tư vào việc ứng dụng CNTT vào việc giảng dạy vì thế việc sử dụng thiết bị dạy học của GV đạt hiệu quả.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có trang bị máy tính dành cho giảng dạy môn Tin học tương đối đầy đủ.

Một số phòng khối hành chính trong nhà trường được trang bị máy vi tính và kết nối Internet, tạo điều kiện thuận lợi trong việc xây dựng, quản lý và lưu trữ hồ sơ cũng như trao đổi thông tin giữa nhà trường với các cấp kịp thời và thực hiện việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào nhà trường.100% CBGVNV của trường biết sử dụng vi tính, khai thác thông tin từ mạng khá thành thạo.

Trường có đầy đủ các thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu phục vụ cho việc giảng dạy và học tập. Có biện pháp bảo trì, bảo dưỡng hiệu quả cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục. Có hồ sơ theo dõi mượn, trả đồ dùng dạy học và hồ sơ kiểm tra của hiệu trưởng được thiết lập đầy đủ theo quy định hiện hành.

3. Điểm yếu:

Một số thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học được cung cấp đến nay đã xuống cấp: tranh ảnh, bản đồ, bộ lắp ghép môn kỹ thuật, môn toán, bộ đo đạc.

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Do một số giáo viên lớn tuổi, một số giáo viên người dân tộc thiểu số chưa thành thạo trong việc sử dụng thiết bị dạy học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, mua bổ sung một số đồ dùng dạy học khác nhằm đáp ứng tốt hơn cho việc dạy và học. Đồng thời tiếp tục tăng cường các biện pháp quản lý và bảo quản hiệu quả cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục hiện có.

Tham mưu Phòng GD-ĐT Minh Long đầu tư cơ sở vật chất cho giáo viên về trang bị đồ dùng dạy học thiết bị tối thiểu cho giáo viên hoạt động.

Khuyến khích GV làm đồ dùng dạy học và sử dụng thiết bị dạy học sẵn có để nâng cao hiệu quả giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Được sự quan tâm đầu tư của các cấp Thư viện nhà trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học [H28-3.6-01]. Bên cạnh đó nhà trường có tủ sách pháp luật phục vụ công tác giảng dạy [H28-3.6-02].

Hoạt động của thư viện đi vào nề nếp đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh [H28-3.6-03].

Ngoài phòng thư viện, nhà trường còn có 02 tủ sách lưu động, mỗi phòng học đều có góc thư viện. HS được đọc sách vào đầu các tiết học, giờ ra chơi và các buổi trong tuần và tham gia học tiết đọc thư viện[H28-3.6-04].Nhân viên thư viện theo dõi việc mượn sách, tài liệu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thường xuyên, cập nhật sổ theo dõi đầy đủ. Công tác lưu trữ và quản lý hồ sơ được kiểm soát chặt chẽ, được sắp xếp trên kệ và giá sách, bố trí hợp lý, khoa học [H28-3.6-05], [H28-3.6-06].

Hàng năm thư viện đều có kế hoạch kiểm kê tăng cường cơ sở vật chất , mua thêm sách báo và tài liệu cho GV và HS tham khảo , đặt thêm đầu báo phục vụ nhu cầu đọc cho GV và HS, mua bổ sung sách, truyện để HS đọc và tham khảo. Sách báo nhập về đều được nhập vào sổ để theo dõi, có hoá đơn mua sách báo đầy đủ [H28-3.6-07], [H28-3.6-08], [H28-3.6-09], [H28-3.6-10], [H28-3.6-11]

Mức 2:

Thư viện nhà trường được công nhận Thư viện trường học đạt chuẩn theo Quyết định số 810/QĐ-GD&ĐT ngày 18/11/2006 của Giám đốc Sở GD-ĐT tỉnh Quảng Ngãi [H28-3.6-12].

2. Điểm mạnh

Trường TH Long Mai được sáp nhập từ ngày 1/7/2019. Thư viện của trường đạt thư viện trường học đạt chuẩn. Có giấy Chứng nhận thư viện trường TH Long Mai đạt thư viện chuẩn [H28-3.6-12].

Ngoài phòng thư viện, nhà trường còn có 02 tủ sách lưu động, mỗi phòng học đều có góc thư viện, có nhiều đầu sách, đáp ứng nhu cầu đọc sách, nghiên cứu, tìm hiểu của HS. Hoạt động đọc sách của GV và HS tại Thư viện đã thành nền nếp từ nhiều năm nay. Sổ nhật ký thư viện được cập nhật hàng ngày.

Hàng năm thư viện có kế hoạch mua sắm bổ sung sách báo và tài liệu tham khảo thường xuyên. Sách, báo bổ sung hàng năm so với chuẩn thư viện tiên tiến chưa thật nhiều.

3. Điểm yếu

Sách, báo, tạp chí bổ sung hàng năm so với chuẩn thư viện tiên tiến chưa thật nhiều.

Việc tổ chức các hình thức thư viện thân thiện, thư viện xanh, thư viện ngoài trời còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Bổ sung thêm sách, báo để nguồn sách được phong phú hơn, tổ chức các hoạt động tại thư viện đa dạng phát huy hết hiệu quả của thư viện, thu hút thêm CBGV, học sinh đến với thư viện. Và tham mưu các cấp hỗ trợ thêm về bàn ghế,tủ,giá để sách cho phòng thư viện.

Tham mưu các cấp bổ sung biên chế cán bộ thư viện thiết bị.Tăng cường huy động các nguồn vốn theo từng năm học để mua sắm bổ sung thêm tài liệu tham khảo và sách, báo mới để thu hút GV và HS tham gia hoạt động đọc ngày một nhiều hơn, tổ chức có hiệu quả Ngày sách Việt Nam và phát động hưởng ứng tuần lễ học tập, chung tay xây dựng thư viện.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật: Trường có khuôn viên đẹp, gọn gàng, đảm bảo tốt về an ninh trật tự, có nhiều cây xanh và cảnh quang môi trường tốt; sân trường xanh, sạch, an toàn. Trường trang bị phòng học và cơ sở vật chất phục vụ cho việc giảng dạy, đảm bảo cơ bản theo quy định Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT. Diện tích xây dựng công trình, diện tích sân chơi, sân tập đảm bảo theo yêu cầu. Khối phòng hành chính được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ công tác quản lý, hỗ trợ hoạt động giáo dục. Diện tích các phòng khối hành chính đảm bảo theo quy định. Trường có phòng học bộ môn đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục. Trường có trang bị khu vệ sinh phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; hệ thống cấp, thoát nước và thu gom rác đảm bảo theo quy định. Nhà trường có đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu và tủ thiết bị cho từng lớp, đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường có thư viện và trang bị nhiều đầu sách báo phục vụ tối thiểu hoạt động dạy học, đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Điểm yếu cơ bản: Sách, báo, tạp chí bổ sung hàng năm so với chuẩn thư viện tiên tiến chưa thật nhiều. Việc tổ chức các hình thức thư viện thân thiện, thư viện xanh, thư viện ngoài trời còn hạn chế. Một số thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học được cung cấp đến nay đã xuống cấp: tranh ảnh, bản đồ, bộ lắp ghép môn kỹ thuật, môn toán, bộ đo đạc. Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường

***Tự đánh giá:**

- Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6, tỷ lệ 100%;
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/6, tỷ lệ 0%

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Cán bộ quản lý, GV và nhân viên nhà trường có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn, có tay nghề vững vàng, tận tâm tận lực với sự nghiệp giáo dục đào tạo của nhà trường, hoàn thành tốt nhiệm vụ ở từng vị trí, tạo sức mạnh tổng hợp tiếp tục xây dựng và phát triển nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Mức 1:

a. Được thành lập và hoạt động theo quy định tại điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

b. Có kế hoạch hoạt động theo năm học.

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường đã tổ chức họp bầu Ban ĐDCMHS của trường sau khi tổ chức Hội nghị phụ huynh học sinh đầu năm từng lớp theo Điều lệ Ban đại diện CMHS Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT [H29-4.1-01]. Sau đó nhà trường họp Ban ĐDCMHS của từng lớp để bầu Ban đại diện phụ huynh của nhà trường và sau đó Ban ĐDCMHS của trường họp, phân công nhiệm vụ từng thành viên trong ban [H29-4.1-02]. Hàng năm Ban ĐDCMHS cùng với nhà trường đã thống nhất thực hiện cam kết phối hợp hoạt động để xây dựng sự nghiệp giáo dục [H14-1.9-03].

Ban ĐDCMHS đã xây dựng kế hoạch hoạt động một cách kịp thời, phù hợp với đặc điểm tình hình nhà trường, địa phương có tính khả thi cao [H29-4.1-03]. Cuối mỗi năm học, Ban đại diện cha mẹ học sinh đều có báo cáo tổng kết hoạt động của Ban ĐDCMHS [H29-4.1-05].

Ban ĐDCMHS tiến hành họp để triển khai một số kế hoạch và nhiệm vụ của Ban. Sau các cuộc họp định kỳ và đột xuất đều có thể hiện ở mỗi biên bản kèm theo [H29-4.1-04].

Mức 2:

Hàng năm Ban ĐDCMHS có kế hoạch phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc vận động học sinh đến trường, vận động học sinh ra lớp [H29- 4.1-06]. Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường đã xây dựng được kế hoạch hoạt động, tổ chức thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền của Ban ĐDCMHS theo quy định tại Điều lệ Ban ĐDCMHS [H29-4.1-02]. Trong mỗi cuộc họp Ban ĐDCMHS với nhà trường ở cuối mỗi học kì, phụ huynh đều tham gia lắng nghe báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của nhà trường để nắm rõ tình hình học tập của con em cũng như các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-06].

Mức 3:

Ban đại diện CMHS trường và Ban đại diện CMHS lớp đã phối hợp với nhà trường và GVCN trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các kế hoạch giáo dục, hướng dẫn tuyên truyền, huy động học sinh đến trường, vận động học sinh ra lớp [H29-4.1-06].

2. Điểm mạnh

Trong những năm qua, Ban ĐDCMHS luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao đã thường xuyên phối hợp với nhà trường trong công tác giảng dạy cũng như giáo dục đạo đức tác phong, rèn kỹ năng sống cho học sinh. Ngoài ra phụ huynh tham gia nhiệt tình các phong trào hoạt động của nhà trường cũng như cấp trên đề ra. Phối hợp với nhà trường vận động học sinh ra lớp đạt hiệu quả.

Duy trì tốt các buổi sinh hoạt họp định kỳ 3 lần/năm học với tất cả cha mẹ HS các lớp, tỉ lệ CMHS đến dự họp luôn luôn đạt 80% trở lên.

3. Điểm yếu

Ban đại diện học sinh của một số lớp chưa hoạt động thường xuyên. Một số thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường hay bận việc riêng nên thời gian dự họp còn hạn chế nên chưa hỗ trợ được nhiều cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Do đặc điểm vùng núi nhiều bố mẹ kinh tế gia đình khó khăn, đi làm ăn xa nên khó khăn trong việc quản lý cũng như giáo dục HS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Vận động Ban đại diện phụ huynh của lớp phối hợp thường xuyên và chặt chẽ với GVCN, Ban ĐDCMHS và Nhà trường để thực hiện tốt kế hoạch đầu năm học.

Vận động những phụ huynh đi làm ăn xa trao đổi với GVCN và Nhà trường qua điện thoại, zalo.... để phối hợp quản lý cũng như giáo dục học sinh tốt hơn.

Phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của hội trong công tác giáo dục đạo đức học sinh, vận động học sinh ra lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của trường

Mức 1:

a. Tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

b. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường.

c. Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a. Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

b. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh, chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hoá chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1.Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục hằng năm của Nhà trường [H30-4.2-01], và đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2017 – 2020 và định hướng đến năm 2025 [H1-1.1-02], qua đó đã đề ra các biện pháp cụ thể để phát triển

nhà trường [H1-1.1-05]. Hằng năm tổ chức phối hợp với Ban ĐDCMHS, xã hội để triển khai, thực hiện nhiệm vụ năm học, định hướng phát triển chiến lược nhà trường [H14-1.9-03].

Nhà trường thường xuyên phối hợp với Ban đại diện CMHS các đoàn thể... tham gia tuyên truyền phổ biến giáo dục tập thể của trường [H30-4.2-02]; Ngoài ra nhà trường tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục về nội dung mục tiêu và kế hoạch giáo dục của nhà trường thông qua các buổi họp phụ huynh học sinh, các buổi tham gia sinh hoạt cùng các thôn, tiếp xúc cử tri [H30-4.2-03].

Nhà trường đã huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân, chương trình phát triển vùng, sự đóng góp của cộng đồng trong các hoạt động giáo dục và hỗ trợ cho học sinh nghèo vượt khó như: Tặng vở, xe đạp, cặp sách,... cho các em đầu năm học mới để động viên các em đến trường học tập, hỗ trợ máy lọc nước sạch cho học sinh, hỗ trợ đồ dùng dạy học phục vụ cho việc dạy và học, góp phần hỗ trợ cho nhà trường thực hiện tốt các hoạt động giáo dục.

Thông qua Ban đại diện CMHS của trường nhà trường huy động sự chung tay đóng góp công sức của phụ huynh học sinh như ngày công lao động vệ sinh trường lớp, môi trường học đường, các hoạt động giáo dục ngày hội giao lưu tiếng Việt, hội thi cấp trường.... Tuy nhiên sự đóng góp của các nguồn lực chưa nhiều.

Mức 2:

Trong từng năm học nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với Đảng ủy, UBND xã về nội dung các hoạt động giáo dục như công tác PCGD – XMC; Hội nghị nâng dần chất lượng giáo dục và ngăn chặn tình trạng học sinh bỏ học; xây dựng trường chuẩn quốc gia... và đã được UBND xã tổ chức tốt Hội nghị nâng dần chất lượng giáo dục [H30-4.2-01]. Đảng ủy HĐND xã cụ thể hóa trong nghị quyết [H1-1.1-05].

Nhà trường chủ động phối hợp với Đoàn thanh niên của địa phương để cùng chung tay tham gia huy động học sinh ra lớp, trong mỗi năm học Đoàn xã thường xuyên phối hợp với nhà trường tham mưu Công An huyện, Huyện Đoàn Minh Long, Huyện Đội và Phòng GD-ĐT Minh Long tổ chức tuyên truyền về ATGT, phòng chống ma túy, các tệ nạn xã hội [H15-1.10-02]. Trường thực hiện nghiêm túc công tác bàn giao học sinh về sinh hoạt hè tại địa phương trong thời gian nghỉ hè [H30-4.2-04].

Phối hợp với Trạm y tế xã trong công tác chăm sóc sức khỏe cho học sinh; thực hiện công tác Y tế học đường; công tác phòng chống các dịch bệnh, đặc biệt là phòng chống bệnh Covid-19 trong năm học 2019 – 2020 [H15-1.10-04].

Phối hợp cùng với Ban công an xã, các ban ngành ở địa phương trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự an toàn giao thông [H15-1.10-05];; phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn [H15-1.10-03] cũng như đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy tại trường [H15-1.10-01].

Liên đội trường kịp thời xây dựng kế hoạch hoạt động công tác đội trong từng năm học [H3-1.3-17] và đề ra kế hoạch chăm sóc di tích lịch sử, văn hóa địa phương và chăm sóc Nghĩa trang liệt sĩ [H30-4.2-02]. Trong từng năm học Liên đội trường tổ chức tổng kết đánh giá về công tác chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, các di tích văn hóa, thăm mẹ Việt Nam anh hùng... nói riêng, phong trào công tác Đội của nhà trường nói chung và luôn giữ vững danh hiệu Liên đội vững mạnh cấp huyện [H3-1.3-18].

Mức 3:

Nhà trường đã chủ động và thường xuyên tham mưu với cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương, đồng thời phối hợp có hiệu quả với các tổ chức đoàn thể, cá nhân trong và ngoài nhà trường để xây dựng trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương, được UBND huyện công nhận là cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa [H30-4.2-05]. Tuy nhiên chưa tổ chức được các sự kiện lễ hội, văn hóa lớn của địa phương tại nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xác định công tác giáo dục là của toàn Đảng, toàn dân, mọi tổ chức đoàn thể, vì vậy ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch năm học và thông qua kế hoạch với toàn thể cha mẹ HS để huy động tất cả các lực lượng xã hội tham gia vào các hoạt động giáo dục.

Trong những năm qua, nhà trường đã tranh thủ được sự giúp đỡ của lãnh đạo cấp trên để từng bước hoàn chỉnh dần CSVC trong nhà trường.

Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức ngoài nhà trường như: Công an, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, phụ nữ xã để quản lý HS trong thời gian nghỉ tết, nghỉ hè...

Nhà trường đã xác định công tác giáo dục là của toàn Đảng, toàn dân, mọi tổ chức đoàn thể, vì vậy ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch năm học và thông qua kế hoạch với toàn thể CMHS để huy động tất cả các lực lượng xã hội tham gia giáo dục HS về truyền thống lịch sử của dân tộc cũng như truyền thống của quê hương Quảng Ngãi nói chung và Minh Long nói riêng.

3. Điểm yếu

Công tác xã hội hóa, huy động các nguồn đóng góp ngoài nhà trường còn hạn chế.

Phương tiện cho hoạt động ngoại khóa còn hạn chế, hình thức sinh hoạt chưa phong phú.

Chưa tổ chức được các sự kiện lễ hội, văn hóa của địa phương tại nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phối kết hợp giữa nhà trường với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường, để thực tốt công tác xã hội hoá giáo dục đề ra.

Tham mưu với các cấp đầu tư cơ sở vật chất góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở nhà trường.

Thay đổi, tìm tòi, sáng tạo hơn nữa các phương tiện, hình thức hoạt động tuyên truyền giáo dục cho hấp dẫn, thu hút đạt hiệu quả cao.

Tăng cường công tác tham mưu với Đảng ủy, chính quyền địa phương về việc tổ chức các sự kiện văn hóa, lễ hội của địa phương tại nhà trường để bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa của địa phương đáp ứng yêu cầu của trung tâm văn hóa ở địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có mối liên hệ chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh, có sự thống nhất kế hoạch và hoạt động hiệu quả. Cha mẹ học sinh nhiệt tình, quan tâm đến các hoạt động của trường. Nhà trường phối hợp tốt với chính quyền, các tổ chức, đoàn thể ở địa phương trong việc thực hiện các kế hoạch; huy động được các nguồn lực về tinh thần, vật chất tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Điểm yếu cơ bản: Ban đại diện cha mẹ học sinh ở vài lớp còn hạn chế đóng góp ý kiến, chưa phối hợp thường xuyên với giáo viên chủ nhiệm để trao đổi về hoạt động của lớp. Nhà trường thực hiện công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương chỉ tập trung vào lĩnh vực chuyên môn và cơ sở vật chất.

***Tự đánh giá:**

- Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2 tiêu chí, tỉ lệ 100%;
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/2 tiêu chí, tỉ lệ 0%

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Nhà trường luôn định hướng, đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục theo từng năm học. Duy trì, nền nếp, kỷ cương trong hoạt động dạy và học. Việc thực hiện chương trình và kế hoạch dạy học nghiêm túc. Chất lượng giáo dục toàn diện từng bước được nâng lên so với những năm học trước. Hồ sơ, sổ sách quản lý chất lượng được lưu trữ đầy đủ, sắp xếp khoa học.

Chỉ đạo kịp thời các hoạt động về chuyên môn, kế hoạch phát triển và duy trì phổ cập GDTH-XMC, kế hoạch các hoạt động NGLL, hoạt động trải nghiệm, thời khoá biểu, kế hoạch dạy học. Các kế hoạch được xây dựng chi tiết và triển khai cụ thể. Hằng tháng, có rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung. Phong trào thi đua trong nhà trường ngày càng phát triển, giáo viên và học sinh tham gia tích cực, các hoạt động NGLL được duy trì và ngày càng phong phú với nhiều hình thức tổ chức đa dạng, CSVC ngày càng được đầu tư, đặc biệt là các trang thiết bị phục vụ việc cập nhật thông tin hỗ trợ công tác dạy và học tương đối đầy đủ.

Các hoạt động Đội, hoạt động câu lạc bộ trường học luôn được nhà trường quan tâm, có kế hoạch, theo dõi, chỉ đạo đạt hiệu quả. Học sinh được học trong một môi trường thân thiện, xanh, sạch, đẹp, an toàn. Chính vì thế, kết quả học tập, rèn luyện, nâng cao kỹ năng sống cho học sinh trong trường luôn ổn định và hiệu quả giáo dục ngày càng được nâng cao.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

a) *Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*

b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;

c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Mức 2:

a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Vào đầu mỗi năm học, nhà trường căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ năm học của Phòng GD-ĐT huyện Minh Long, căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của cấp trên để xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đảm bảo Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học [H2-1.2- 05].

Nội dung kế hoạch giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện về các mặt hoạt động công tác trong nhà trường. Hồ sơ chuyên môn thể có sự đóng góp của các đoàn thể trong nhà trường [H4-1.4-04]. Trên cơ sở đó, lãnh đạo nhà trường xây dựng phương hướng chiến lược phát triển thể hiện tính toàn diện và có tính khả thi cao trong công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục nhà trường [H1-1.1-02].

Kế hoạch giáo dục nhà trường được thông qua và được giải trình tại hội nghị VC-NLĐ có sự tham gia của lãnh đạo địa phương, đại diện cha mẹ học sinh, và các cấp lãnh đạo. Hội nghị đã ghi nhận và đưa đến thống nhất các chỉ tiêu nhiệm vụ năm học. Nhà trường đã ban hành nghị quyết năm học [H13-1.8-01].

Mức 2:

Để đảm bảo tính cập nhật về chuyên môn, Trước khi vào năm học, nhà trường đã tiến hành phân công nhiệm vụ cho CBQLGVNV đúng theo năng lực, sở trường của mỗi cá nhân. Xây dựng thời khóa biểu đảm bảo quy định, phù hợp với từng khối lớp, từng buổi học, với điều kiện thực tiễn và nhiệm vụ được phân công của từng vị trí trong nhà trường [H6-1.5-01].

Dựa vào kế hoạch hoạt động CM, dựa vào TKB năm học, GV đã chủ động xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với thực tiễn HS tại trường. Kế hoạch luôn đảm bảo về yêu cầu cần đạt, thể hiện rõ những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung hoặc tinh giảm theo các văn bản chỉ đạo của ngành. Thể hiện đầy đủ các nội dung giáo dục lồng ghép, tích hợp đáp ứng mục tiêu toàn diện và yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực cho HS [H31-5.1-01], [H7-1.5-06].

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được phổ biến công khai trong các buổi họp chuyên môn [H12-1.8-01] và thông qua cuộc họp ban đại diện cha mẹ học sinh, họp phụ huynh để phụ huynh nắm và phối hợp [H29-4.1-01], [H29-4.1-05]. Kế hoạch giáo dục nhà trường được cơ quan cấp trên đánh giá thông qua thanh tra kiểm tra hàng năm [H13-1.8-02]. Cuối năm học, Hội đồng trường báo cáo sơ kết, tổng kết các công tác hoạt động, giám sát thực hiện kế hoạch năm học đến toàn thể CBGVNV nhà trường [H2-1.2-03]. Trong các buổi sinh hoạt CM, Nhà trường luôn thông qua báo cáo kết quả thực hiện công tác giáo dục và

phương hướng nhiệm vụ đề CBGVNV nhà trường ghi nhận hiệu quả chất lượng giáo dục nhà trường đạt được trong năm qua và thấy được phương hướng nhiệm vụ cần đạt trong năm học đến [H1- 1.1-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục (năm học) nhà trường đúng theo quy định của các Sở Giáo dục và Phòng GD. Nhà trường trực tiếp chỉ đạo và giao quyền tự chủ cho giáo viên trong việc xây dựng kế hoạch dạy học. Điều chỉnh nội dung đúng văn bản chỉ đạo của cấp trên và theo điều kiện thực tế HS tại trường, kế hoạch dạy học đảm bảo yêu cầu của mục tiêu cần đạt của từng môn học, từng bài học đảm bảo theo các văn bản của Bộ GDĐT ban hành.

Nhà trường triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo của cấp trên đến TCM, GV kịp thời. Các kế hoạch chỉ đạo CM của nhà trường, của tổ CM được GV cập nhật và thực hiện nghiêm túc, nên mọi hoạt động chuyên môn trong nhà trường thực hiện tốt, trôi chảy và đạt kết quả cao.

Trường có GV chuyên biệt, GV bộ môn trẻ nhiệt tình thông thạo công nghệ thông tin nên việc thực hiện kế hoạch chuyên môn có nhiều thuận lợi.

Tổ chức dạy học đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng. Lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức phù hợp với đối tượng học sinh, đáp ứng khả năng nhận thức và yêu cầu phát triển bền vững trong điều kiện thực tế của địa phương.

3. Điểm yếu.

Một số ít giáo viên chưa linh hoạt trong việc xây dựng kế hoạch phụ đạo, kế hoạch bồi dưỡng theo hướng phát triển phẩm chất năng lực của học sinh.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên một số GV chưa kịp thời điều chỉnh kế hoạch dạy học theo hướng trực tuyến hoặc trực tiếp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Duy trì và thực hiện tốt các kế hoạch hoạt động chuyên môn của nhà trường.

Chủ động điều chỉnh nội dung chương trình, thay thế nội dung giảng dạy phù hợp với thực tế học sinh. Trong giảng dạy GV cần bổ sung kiến thức để phát triển phẩm chất, năng lực HS.

Trong các buổi sinh hoạt tổ chuyên môn, yêu cầu GV cần linh hoạt và sáng tạo trong việc điều chỉnh kế hoạch dạy học theo CV 456 của Phòng GD-ĐT (năm học 2021-2022) để kịp thời thích ứng với tình hình thực tiễn nhà trường, của từng khối lớp và tiếp tục thực hiện công văn 441/PGDDĐT về việc thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng chương trình GDPT 2018 để học tốt lớp 6 theo CTGDPT.

Tăng cường bồi dưỡng HS năng khiếu và phụ đạo HS chậm tiến bộ, nâng số lượng và chất lượng HS đạt giải khi tham gia các phong trào. Giảm dần tỉ lệ HS đọc, viết, tính toán chậm.

Tích cực đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục, nhằm phát triển phẩm chất năng lực của học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

a. Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm

bảo mục tiêu giáo dục.

b. Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường.

c. Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

a. Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh.

b. Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh. Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường chỉ đạo dạy đúng, đủ các môn học theo TKB, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng đã điều chỉnh ở mỗi năm học và đảm bảo mục tiêu giáo dục của từng lớp học [H31-5.1-01].

Giáo viên luôn linh hoạt trong việc lựa chọn và phối hợp các phương pháp kỹ thuật dạy học nhằm phát huy tính tích cực và sáng tạo của HS [H5-1.4-07]. Tổ chức hoạt động dạy và học có hiệu quả và đảm bảo mục tiêu nội dung giáo dục phù hợp đối tượng học sinh và thực tế nhà trường [H32-5.2-01]. Nội dung chỉ đạo, nhận xét, triển khai được thể hiện ở sổ biên bản họp chuyên môn của nhà trường [H12-1.8-01].

Nhà trường đã chỉ đạo TCM và GV thực hiện nghiêm việc rà soát, phân tích đánh giá hiệu quả hoạt động chuyên môn và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường [H33-5.2-02]. GV nhận xét, đánh giá chất lượng học sinh thể hiện rõ qua thống kê chất lượng học tập HS và báo cáo tổng kết hàng năm của nhà trường [H34-5.2-03], [H1-1.1-06].

Mức 2:

Giáo viên thực hiện giảng dạy đúng chương trình, sát với kế hoạch đã đề ra trong năm học. GV linh hoạt và sáng tạo trong việc lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng HS [H31-5.1-01]. Nhà trường chỉ đạo GV quan tâm đến HS khuyết tật học hoà nhập, đáp ứng yêu cầu khả năng nhận thức của từng đối tượng học sinh [H36-5.2-05]. Bên cạnh đó, nhà trường tổ chức tập huấn, sinh hoạt CM, chuyên đề định hướng GV bồi dưỡng, chia sẻ đồng nghiệp để nâng cao năng lực chuyên môn đáp ứng chương trình GDPT 2018 [H37-5.2-06], [H38-5.2-07], [H4-1.4-06].

Ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường chỉ đạo TCM và GVCN kiểm tra phát hiện học sinh năng khiếu để bồi dưỡng và học sinh gặp khó khăn trong học

tập để phụ đạo. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo sâu sát phù hợp với đối tượng học sinh. Yêu cầu GV thực hiện có hiệu quả công tác bồi dưỡng HS năng khiếu, phụ đạo HS chậm tiến, gặp khó khăn trong học tập [H4-1.4-04], [H39-5.2-09]. Nhà trường luôn quan tâm đến công tác thi đua khen thưởng để động viên, khích lệ những HS có thành tích và kết quả học tập tốt trong năm học [H19-2.4-01].

Mức 3:

Hàng năm nhà trường có kế hoạch rà soát chương trình, nắm bắt tình hình thực tế nhà trường, đôn đốc GV tham gia các hình thức nâng cao năng lực công tác, chú trọng tham gia đầy đủ các lớp tập huấn [H37-5.2-06]. Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề do trường tổ chức để GV có cơ hội phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng học tập của học sinh [H4-1.4-04],[H38-5.2-07].

Hàng năm TCM viết chuyên đề, GV đăng kí viết đề tài, sáng kiến kinh nghiệm nhằm phát triển CM, nâng cao hiệu quả giáo dục nhà trường [H4-1.4-06], [H2-1.2-09]. Thông qua báo cáo sáng kiến kinh nghiệm, GV đã phân tích đánh giá hiệu quả SKKN, nhà trường chỉ đạo GV vận dụng và bám sát nghị quyết năm học để phân đầu đạt các chỉ tiêu về chất lượng giáo dục nhà trường trong năm học [H39-5.2-08], [H13-1.8-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm, chỉ đạo sâu sát đến tất cả các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Tập thể giáo viên trong nhà trường có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác, có năng lực chuyên môn vững vàng, luôn làm tốt việc thực hiện tốt kế hoạch chỉ đạo của nhà trường và kế hoạch giảng dạy đã đề ra.

Tập thể đoàn kết nhất trí cao trong thực hiện nhiệm vụ, có tính phối hợp và luôn có tinh thần tự giác cao với công tác được phân công.

Một số học sinh chuyên cần, chăm chỉ học tập nên chất lượng học tập trong nhà trường được vươn lên.

3. Điểm yếu

Do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 nên công tác kiểm tra của nhà trường chưa được thường xuyên theo kế hoạch đề ra.

Một số HS ở một vài khối lớp còn chậm về đọc – viết – tính toán.

Việc bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo HS chậm tiến chưa đúng với kế hoạch đề ra. Lí do trong năm học dịch bệnh Covid-19 kéo dài, HS vừa học trực tiếp vừa học trực tuyến.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc chương trình và điều chỉnh chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định về chuyên môn của ngành để phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo của HS.

Kịp thời phát hiện số HS có năng khiếu, HS hổng kiến thức và gặp khó khăn trong học tập để có kế hoạch bồi dưỡng học sinh và phụ đạo.

Nhà trường, TCM tiến hành kiểm tra sự tiến bộ của HS theo từng giai đoạn để kịp thời đề ra giải pháp khắc phục.

Tiếp tục tự học tự nghiên cứu để nâng cao năng lực chuyên môn. Tích cực đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động giảng dạy nhằm phát huy năng lực học sinh.

Thực hiện nhận xét đánh giá học sinh đúng tinh thần các Quyết định, Thông tư, văn bản hướng dẫn đánh giá HSTH (TT30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của BGDĐT; Thông tư 22/2016/TT- BGDĐT ;Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020; Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020). Kịp thời khen ngợi học sinh khi các em có cố gắng và có tiến bộ trong học tập và các mặt hoạt động giáo dục. Tuyệt đối không phê bình học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

a. Đảm bảo theo kế hoạch.

b. Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú phù hợp điều kiện của nhà trường

c. Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường chỉ đạo giáo viên TPT Đội phối hợp với GVCN và các bộ phận đoàn thể trong nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động NGLL, HĐTN theo chủ điểm từng tháng cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường thực hiện tốt việc tổ chức các câu lạc bộ trong nhà trường nhằm phát triển năng lực sở trường của HS [H40-5.3-01]. góp phần hỗ trợ và nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục toàn diện trong nhà trường [H20-2.4-04], [H40-5.3-02].

BGH phối hợp chặt chẽ giữa gia đình nhà trường, xã hội trong công tác tổ chức các hoạt động giáo dục khác đảm bảo theo kế hoạch [H14- 1.9-03].

Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện để HS các khối lớp tham gia các hoạt động GDNLLL [H30-4.2-03]. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được tổ chức theo kế hoạch và trở thành nề nếp, học sinh tham gia tích cực, sáng tạo và hiệu quả [H41-5.3-03].

Nội dung và hình thức tổ chức từng hoạt động luôn đa dạng, phong phú, được tổ chức theo hình thức phân hoá, phù hợp với đặc điểm tâm lí của HS [H42-5.3-04], [H36-5.2-05].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức và thực hiện tốt một số hoạt động giáo dục NGLL, HĐTN đảm bảo chất lượng, hình thức quy mô khang trang thoáng mát và tạo được sân chơi bổ ích cho HS [H27-4.2-03]. Khuyến khích HS tích cực, chủ động, sáng tạo trong các hoạt động nhằm rèn các kỹ năng sống và phát triển

phẩm chất năng lực của HS. Tạo cơ hội cho tất cả học sinh tham gia, tích cực, thân thiện, hòa nhập và thể hiện hết khả năng sở trường của mình trong các hoạt động do liên đội nhà trường tổ chức ngoài học tập [H36-5.2-05].

Trường tổ chức một số HĐNGLL phù hợp với tình hình thực tiễn, sau mỗi hoạt động, nhà trường đã kịp thời tổng kết, đánh giá kết quả đạt được để đúc kết, rút kinh nghiệm [H3-1.3-18].

Các hoạt động GDNGLL được tổ chức khoa học, nội dung phù hợp với từng khối lớp, hình thức phong phú tạo ra sân chơi thân thiện thu hút được sự tham gia đông đảo của phụ huynh HS, nhà trường có khích lệ và khen thưởng kịp thời đến tập thể, cá nhân học sinh đạt kết quả cao trong các hoạt động công tác NGLL của HS [H40-5.3-01].

Mức 3:

Các nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động GDNGLL, HĐTN thực hiện phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh [H40-5.3-01], [H30-4.2-03].

Nhà trường chỉ đạo GV phụ trách Đội chuẩn bị đầy đủ các hình thức, thời gian, địa điểm, phương tiện để tổ chức các hoạt động đạt hiệu quả thu hút được sự tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo của tất cả các đối tượng HS [H42-5.3-04], [H42-5.3-05].

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động luôn đa dạng, phong phú, có sáng tạo và đổi mới theo hướng phát triển phẩm chất năng lực của HS. Xây dựng được văn hóa nhà trường sinh động và hiệu quả [H3-1.3-18]. Thực hiện tốt việc tổ chức các câu lạc bộ trong nhà trường nhằm phát triển năng lực sở trường của HS [H40-5.3-01]. Tạo điều kiện cho tất cả HS tham gia, nhằm phát triển kỹ năng sống và hỗ trợ cho việc học tập của các em đạt kết quả tốt nhất [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch chỉ đạo giáo viên tổng phụ trách Đội dự kiến các hoạt động GDNGLL và HĐTN phù hợp. Nội dung từng hoạt động cụ thể, sâu sát, linh hoạt đảm bảo theo từng chủ đề, đặc biệt tập trung vào các ngày lễ lớn trong năm học.

Trường có GV tổng phụ trách trẻ, năng động nhiệt tình và luôn có tinh thần trách nhiệm cao với công tác được phân công. GV TPT Đội thuần thục các kỹ năng hướng dẫn HS trong các hoạt động NGLL, HĐTN trong nhà trường.

Học sinh rất yêu thích các hoạt động ngoại khóa, một số em có năng khiếu riêng biệt và thể hiện rất tốt trong một số hoạt động.

Tất cả CBGV đều tích cực hưởng ứng và nhiệt tình tham gia các hoạt động do nhà trường tổ chức.

Được sự phối hợp chặt chẽ của GVCN và sự quan tâm của phụ huynh trong việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa.

3. Điểm yếu:

Việc tổ chức hoạt động giáo dục khác còn gặp nhiều khó khăn: Một số HS chưa mạnh dạn, chưa tự tin khi tham gia các hoạt động nên các hoạt động chưa thật sự sôi nổi.

Chưa tổ chức cho HS đi tham quan du lịch các di tích lịch sử ở trong và ngoài tỉnh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì việc tổ chức các hoạt động GDNGLL theo kế hoạch đề ra đầu năm học. Tiếp tục phân công huy động GVNV tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Nghiên cứu chia sẻ với các đơn vị trường bạn để tìm hiểu thêm một số hoạt động khác nhằm kích thích và phát huy hơn nữa về năng lực và sở trường của HS.

Đầu năm học, cần lựa chọn nội dung, hình thức tổ chức một số hoạt động giáo dục NGLL, HĐTN để phân hóa theo nhu cầu, năng lực của từng đối tượng HS.

Trường chỉ đạo GV TPT Đội tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động giáo dục khác, hoạt động giáo dục ngoài lớp học bằng các hình thức đa dạng đề lôi cuốn, hấp dẫn HS. Đề các em tự tin hơn khi tham gia các hoạt động giáo dục.

Cuối năm học, trường phối hợp với GVCN, GV TPT lên kế hoạch tổ chức cho các em HS lớp 5 đi tham quan một số địa điểm trong tỉnh để phát triển các năng lực cho HS thông qua trải nghiệm.

Linh hoạt và sáng tạo hơn khi tổ chức, thực hiện các hoạt động nhằm tác động tích cực đến công tác giảng dạy và giáo dục trong nhà trường tùy theo tình hình, có thể tổ chức trực tuyến.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

- a. Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;
- b. Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;
- c. Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%;

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ngay từ đầu năm học, chính quyền địa phương và nhà trường đã có kế hoạch chỉ đạo CBGV tham gia công tác PCGDTHĐĐT, phân công giáo viên điều tra từ độ tuổi từ 0-60, nắm số liệu từng độ tuổi trong địa bàn, ngăn chặn hiện tượng tái mù chữ ở địa phương, nhà trường xây dựng kế hoạch để tiến hành làm công tác phổ cập đúng theo thời gian quy định của cấp trên [H43-5.4-01], [H43 - 5.4-02].

Tổ chức và thực hiện “ Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường” hằng năm để huy động trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 luôn đạt trên 90% [H21-2.4-05],[H29-4.1-06].

Nhà trường tổ chức quản lý, lưu trữ hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định [H6-1.5-05].

Mức 2:

Nhà trường chỉ đạo CBGV làm công tác PCGD-XMC, phân công CBGV tham gia công tác điều tra, cập nhật thông tin vào phần mềm, hoàn thành hồ sơ báo cáo công tác PC lên cấp trên đảm bảo thời gian quy định [H43-5.4-01].

Tổ chức và thực hiện “ Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường “ hằng năm để huy động trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 luôn đạt trên 95% [H43-5.4-02], [H29-4.1-06].

Quản lý, lưu trữ hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học khoa học đúng quy định [H43-5.4-01], [H43-5.4-02],[H6-1.5-05].

Mức 3:

Nhà trường chỉ đạo sâu sát từng mảng công tác PCGD-XMC cho các thành viên, lên lịch phân công CBGV điều tra, cập nhật thông tin vào phần mềm, hoàn thành hồ sơ báo cáo công tác phổ cập lên cấp trên đảm bảo thông tin, số liệu và đúng thời gian quy định [H43-5.4-01], [H21-2.4-05].

Hằng năm để huy động trẻ em 6 tuổi vào lớp 1, tỷ lệ tuyển sinh của trường luôn đạt trên 98% [H21-2.4-05], [H29-4.1-06].

Quản lý, lưu trữ hồ sơ phổ cập giáo dục đầy đủ, trình bày khoa học, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng và đảm bảo [H43-5.4-01],[H43-5.4-02], [H6-1.5-05].

2. Điểm mạnh

Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của chính quyền địa phương, của nhà trường về công tác phổ cập.

Tăng cường công tác phối hợp với PHHS, với BGH trường mầm non, trường THCS trong địa bàn xã và chính quyền địa phương để huy động toàn bộ học sinh trong độ tuổi đi học đạt tỉ lệ 100%.

Ngay đầu năm học, nhà trường phân công cụ thể các tổ điều tra đến từng nhà để huy động HS ra lớp đúng độ tuổi không để tình trạng HS không ra lớp, HS bỏ học giữa chừng.

Nhiều năm liên nhà trường được các cấp công nhận giữ chuẩn PCGDTHĐĐT.

3. Điểm yếu

Dân số trong xã thường xuyên biến động (do chuyên đến, chuyên đi) nên việc điều tra, cập nhật số liệu khó chính xác và không ổn định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục chỉ đạo tốt công tác thực hiện PCGDTHĐĐT trong từng năm học. Coi đây là một nhiệm vụ rất cần thiết trong công tác giáo dục trên địa bàn xã.

Vận động và huy động tối đa các nguồn kinh phí để hỗ trợ cho học sinh nghèo vượt khó và học sinh khó khăn được đến trường 100%.

Kiên toàn toàn bộ hồ sơ phổ cập, tổ chức điều tra phổ cập hằng năm để có kế hoạch rà soát và điều chỉnh kịp thời.

Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân, kịp thời nắm bắt thông tin, vận động những học sinh có dấu hiệu bỏ học và ra lớp đạt kết quả cao nhất. Lưu trữ và quản lý hồ sơ phổ cập trên phần mềm PCGDTH (pcgd.moet.gov.vn)

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;
- b. Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;
- c. Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

- a. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%.
- b. Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

- a. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%
- b. Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Từ đầu năm học nhà trường đã chỉ đạo TCM họp tổ đăng kí chỉ tiêu chất lượng các mặt giáo dục của HS. Yêu cầu GV trong tổ phân đầu để cuối năm học đạt các chỉ tiêu đề ra. Bên cạnh đó nhà trường luôn kịp thời tổng hợp và báo cáo kết quả xếp loại giáo dục của HS sau học kì, năm học. Yêu cầu cập nhật việc theo dõi, nhận xét, đánh giá HS trong sổ theo dõi chất lượng giáo dục và có đầy đủ các biểu tổng hợp kết quả học tập, rèn luyện của HS đúng theo quy định [H20- 2.4-04], [H34-5.2-03], [H22-2.4-06].

Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học trong những năm qua luôn đạt trên 95% [H44- 5.5-01].

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học luôn đạt trên 95% [H44-5.5-02], [H6-1.5-05].

Tỷ lệ học sinh 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học tại địa phương luôn đạt trên 95% [H44-5.5-03],[H44-5.5-04].

Mức 2:

Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học trong những năm qua luôn đạt trên 95% [H1-1.1-06].

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học luôn đạt trên 95% [H44-5.5-02]. Các trẻ em 11 tuổi còn lại đang học tiểu học.

Tỷ lệ học sinh 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học tại địa phương luôn đạt trên 95% [H44-5.5-03], [H44-5.5-04].

Mức 3:

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học từ năm học 2017-2018 đến nay đều đạt trên 95% [H6-1.5-05], [H19-2.4-01].

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học luôn đạt trên 95% [H44-5.5-01], [H44-5.5-02], [H44-5.5-04]. Các trẻ em 11 tuổi còn lại đang học tiểu học.

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học luôn đạt trên 95% [H44-5.5-02],[H44-5.5-04]. Các trẻ em 11 tuổi còn lại đang học tiểu học.

2. Điểm mạnh

Đa số HS có ý thức học tập. Biết vâng lời thầy cô giáo, chăm ngoan, có nhiều cố gắng để hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

Tỷ lệ học sinh đạt từ hoàn thành trở lên qua từng năm đạt trên 95%, tỷ lệ HS được khen thưởng luôn đạt trên 30%.

Tỷ lệ học sinh còn khó khăn, chậm tiến bộ giảm dần qua từng năm học.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành một số môn học vẫn còn. Nguyên nhân: độ, viết chậm, tính chậm và kém tập trung trong giờ học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường vai trò lãnh đạo của nhà trường trong việc chỉ đạo hoạt động chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá việc giảng dạy của giáo viên cũng như việc học của học sinh trên lớp.

Thực hiện kiểm tra đánh giá CBGV kịp thời đúng theo các văn bản quy định của cấp trên về công tác dạy và học.

Tiếp tục phát huy vai trò của GVCN trong việc giáo dục HS, tăng cường bồi dưỡng HS năng khiếu cũng như phụ đạo HS còn khó khăn trong học tập, HS tiếp thu chậm.

Làm tốt công tác liên lạc giữa gia đình, nhà trường và xã hội để nâng cao tỷ lệ học sinh hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập và rèn luyện, hạn chế tối đa tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, chủ động điều chỉnh nội dung chương trình để phát triển năng lực học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật: Kế hoạch chuyên môn của trường đảm bảo theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, quy định chuyên môn. Nhà trường xây dựng thời khoá biểu, dạy đủ, đúng phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường tích cực tham gia các hoạt động ngoại khoá, hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp. Nhà trường phối hợp chặt chẽ cùng địa phương tổ chức điều tra, thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học. Quan tâm, duy trì tốt công tác chăm lo và hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh trong nhà trường được giữ vững và ổn định qua nhiều năm, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt kết quả cao.

Điểm yếu cơ bản: Trường còn có giáo viên lớn tuổi nên hạn chế trong việc vận dụng linh hoạt các kỹ thuật, phương pháp dạy học tích cực; còn chậm trong việc cập nhật, nắm bắt các quy định mới về chuyên môn.

Nhà trường chưa tổ chức được nhiều các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh, vẫn còn số ít học sinh thụ động, chưa tích cực

tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Trường còn vài học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

*** Tự đánh giá:**

- Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 5/5, tỉ lệ 100%

- Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 0, tỉ lệ 0%

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4:

Khoản 1, Điều 22:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Điểm mạnh

Nhà có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên của nhà trường phù hợp, phát huy năng lực của đội ngũ, nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch có nội dung chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong thời gian tới.

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Khoản 2, Điều 22:

Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Số lượng học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện ngày một cao và tác động tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

Cuối năm học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục có thành tích tốt trong học tập, tham gia tốt các phong trào trong lớp và trong nhà trường đều đạt kết quả.

2. Điểm mạnh

Học sinh chăm ngoan, lễ phép và thực hiện nghiêm túc nội quy, quy định của nhà trường; được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng, đối xử bình đẳng và đảm bảo các quyền của học sinh theo quy định.

3. Điểm yếu

Một số em có hiện tượng chậm phát triển trí tuệ nên việc chăm sóc, giáo dục của giáo viên gặp nhiều khó khăn. Một số học sinh tính quá hiếu động, hay vui chơi và đùa nghịch quá mức cho phép, chưa mạnh dạn tham gia các hoạt

động trong nhà trường. Chưa đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy hơn nữa tinh thần hiếu học của học sinh nhằm nâng cao hơn chất lượng giáo dục của nhà trường.

Nhà trường tạo điều kiện để học sinh được tham gia các hoạt động giáo dục, tổ chức nhiều hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp để tạo sân chơi cho học sinh. Trang bị thêm cơ sở vật chất để học sinh được tham gia nhiều hoạt động học tập và vui chơi.

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Khoản 3, Điều 22:

Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện đã có máy tính kết nối Internet phục vụ quản lý nghiệp vụ thư viện, mặc dù có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; nhưng chưa có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

2. Điểm mạnh

Hoạt động của thư viện đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Phòng đọc gây hứng thú cho học sinh. Thư viện nhà trường đạt chuẩn và hoạt động nghiêm túc. Sách, báo trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của CB, GV, CNV và học sinh. BGH nhà trường rất quan tâm tới các hoạt động của bạn đọc.

3. Điểm yếu

Việc mua sắm bổ sung sách, thiết bị dạy học hằng năm còn ít, kỹ năng ứng dụng CNTT trong quản lý thư viện của cán bộ thư viện chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì và phát huy việc đọc sách báo một cách đều đặn. Khuyến khích giáo viên, học sinh đọc sách báo ngoài giờ. Tăng cường huy động các nguồn vốn để mua sắm thêm tài liệu tham khảo và sách báo mới để cho đọc giả đến đọc ngày một đông hơn.

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Khoản 4, Điều 22:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường chưa hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng phương hướng chiến lược phát triển giáo dục theo từng giai đoạn và phù hợp với sự phát triển kinh tế của địa phương.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch có nội dung chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong thời gian tới.

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Khoản 5, Điều 22:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm qua nhà trường đã chỉ đạo và thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của BGD&ĐT, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên. Nhưng do điều kiện về địa bàn vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cơ sở vật chất, trang thiết bị còn thiếu, nên hoạt động giáo dục của nhà trường hiệu chưa quả cao.

2. Điểm mạnh

Chất lượng giáo dục được giữ vững và tăng dần qua các năm, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 95%, học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học đạt tỉ lệ 100%. Có giáo viên dạy giỏi và giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh.

3. Điểm yếu

Kết quả các mặt hoạt động của nhà trường chưa ổn định. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không đạt 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường các giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các mặt hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Kết luận:

Điểm mạnh nổi bật: Kế hoạch chuyên môn của trường đảm bảo theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, quy định chuyên môn. Nhà trường xây dựng thời khoá biểu, dạy đủ, đúng phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường tích cực tham gia các hoạt động ngoại khoá, hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp. Nhà trường phối hợp chặt chẽ cùng địa phương tổ chức điều tra, thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học. Quan tâm, duy trì tốt công tác chăm lo và hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh trong

nhà trường được giữ vững và ổn định qua nhiều năm, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt kết quả cao.

Điểm yếu cơ bản: Trường còn có giáo viên lớn tuổi nên hạn chế trong việc vận dụng linh hoạt các kỹ thuật, phương pháp dạy học tích cực; còn chậm trong việc cập nhật, nắm bắt các quy định mới về chuyên môn. Nhà trường chưa tổ chức được nhiều các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh, vẫn còn số ít học sinh thụ động, chưa tích cực tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Trường còn vài học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

***Tự đánh giá:**

- Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 0/5, tỷ lệ 0%
- Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 5/5, tỷ lệ 100%

Phần III.
KẾT LUẬN CHUNG

Trường Tiểu học Long Mai có cơ sở hạ tầng tốt, đáp ứng được những yêu cầu cần thiết của một trường tiểu học theo Thông tư 13/2020/ TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Nhà trường có cơ cấu tổ chức quản lý đầy đủ theo quy định. Ban Giám hiệu có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiệt tình trong công tác, chỉ đạo sát sao có hiệu quả tạo được niềm tin tưởng cho giáo viên, nhân viên. Đội ngũ giáo viên ham học hỏi, tâm huyết với nghề. Tập thể nhà trường là một khối đoàn kết, nhất trí cao. Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình tiểu học hàng năm đạt 100%. Số lượng HS đạt giải trong các kì thi các cấp tăng dần, tạo niềm tin tưởng trong phụ huynh và tạo nên uy tín của nhà trường. Qua tổng hợp, xem xét 5 tiêu chuẩn với các mức trong văn bản đánh giá chất lượng giáo dục, Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục trường Tiểu học Long Mai tự đánh giá là chính xác và có cơ sở:

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 27/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/ 27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 27/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 6/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 31,5%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 13/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 68,5%;

- Mức 4:

- + Số lượng tiêu chí đạt: 0/5 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%
- + Số lượng tiêu chí không đạt: 5/5 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%

- Mức đánh giá của trường tiểu học Long Mai: Đạt mức 2

- Trường Tiểu học Long Mai đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Long Mai, ngày 25 tháng 12 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT; (B/cáo)
- Phòng GD&ĐT; (B/cáo)
- UBND xã; (B/cáo)
- BDDCMHS; (B/cáo)
- Lưu VT.

Nguyễn Diên Vị

**Phần IV
PHỤ LỤC**

Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	STT	Mã thông tin, minh chứng	Tên thông tin, minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	QĐ thành lập trường	- Số 444/QĐ-CT ngày 5/7/2005 - Số 445/QĐ-CT ngày 5/7/2005 - Số 500/QĐ-UBND ngày 29/5/2019	UBND huyện Minh Long	
	2	[H1-1.1-02]	Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	- Số 02/KH-THLM I ngày 02/10/2015 - Số 12/ KH-THLM II ngày 15/09/2015 - Số 14/KHLM-THLM ngày 07/09/2020	- Trường TH Long Mai	
	3	[H1-1.1-03]	Hình ảnh công khai của đơn vị về phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường		Trường	
	4	[H1-1.1-04]	Nghị quyết Đảng bộ xã Long Mai nhiệm kỳ 2015-2020, 2020-2025	- Số 01-NQ/ĐU ngày 27/03/2015 - Số 01-NQ/ĐU ngày 10/07/2020	Đảng ủy xã Long Mai	
	5	[H1-1.1-05]	Nghị quyết Hội đồng trường	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	- Trường TH Long Mai	
	6	[H1-1.1-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của trường	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường TH Long Mai	
	7	[H1-1.1-07]	Đường dẫn truy cập Cổng thông tin điện tử có đăng tải			

			Phương hướng, chiến lược phát triển Nhà trường			
Tiêu chí 1.2	1	[H2-1.2-01]	QĐ thành lập Hội đồng trường	<ul style="list-style-type: none"> - Số 65/QĐ-GDDĐT ngày 22/01/2015 - Số 125/QĐ-GDDĐT ngày 07/10/2016 - Số 130/QĐ-GDDĐT ngày 12/10/2016 - Số 1704/QĐ- UBND ngày 29/10/2021 	PGD huyện Minh Long. UBND huyện Minh Long	
	2	[H2-1.2-02]	Kế hoạch 5 năm của Hội đồng trường, phân công nhiệm vụ của các thành viên hội đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Số 90/KH-HĐT-LMI ngày 13/10/2016 - Số 15/KH-HĐT-LMII ngày 12/09/2017 - Số 134/KH-LM ngày 31/12/2019 - Số 15/KH-LM ngày 07/09/2020 - Số 16/KH-LM ngày 10/10/2021 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường TH Long Mai 1 - Trường TH Long Mai 2 - Trường TH Long Mai 	
	3	[H1-1.1-05]	Nghị quyết Hội đồng trường	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	- Trường TH Long Mai	
	4	[H2-1.2-03]	Báo cáo sơ kết, tổng kết của HĐT	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường THLM	
	5	[H2-1.2-04]	Biên bản họp hội đồng trường hằng năm	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường	
	6	[H2-1.2-05]	Kế hoạch giáo dục Nhà trường	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường THLM	

	7	[H2-1.2-06]	QĐ thành lập Hội đồng TĐ-KT	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường THLM	
	8	[H2-1.2-07]	QĐ thành lập Hội đồng khoa học	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường THLM	
	10	[H2-1.2-08]	Hồ sơ chấm đề tài SKKN	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường THLM	
	11	[H2-1.2-09]	Hồ sơ thi GVDG,GVCNG	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường THLM	
	12	[H1-1.1-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của nhà trường	Từ năm học 2017-2018 đến năm 2021-2022	Trường THLM	
Tiêu chí 1.3	1	[H3-1.3-01]	Quyết định chuẩn y Chi bộ trường tiểu học Long Mai	- Số 31/QĐ-ĐU ngày 18/09/2017 -Số 32/QĐ-ĐU ngày 05/12/2017 - Số 56/QĐ-ĐU ngày 08/07/2019 - Số 75/QĐ-ĐU ngày 13/03/2020	Đảng Ủy xã Long Mai	
	2	[H3-1.3-02]	Danh sách Đảng viên hằng năm	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường THLM	
	3	[H3-1.3-03]	Nghị quyết đại hội Chi bộ	- Số 01/ĐH-CB ngày 24/08/2017 - Số 01/NQ-CB ngày 12/09/2017 - Số 01/ĐH-CB ngày 06/03/2020; -Nhiệm kỳ: 2022-2025	Chi bộ trường	
	4	[H3-1.3-04]	Kế hoạch hoạt động Chi bộ	Năm 2017 đến 2022	Chi bộ trường	
	5	[H3-1.3-05]	Kế hoạch kiểm tra, giám sát của Chi Bộ hằng năm	Năm 2017 đến 2022	Chi bộ trường	
	6	[H3-1.3-06]	Báo cáo kiểm điểm tập thể Chi bộ	Năm 2017 đến 2022	Chi bộ trường	

	7	[H3-1.3-07]	Quyết định phân loại Chi Bộ hằng năm	- Số 31/QĐ-ĐU ngày 26/12/2017 - Số 39/QĐ-ĐU ngày 28/12/2018 - Số 65/QĐ-ĐU ngày 16/01/2020 - Số 08/QĐ-ĐU ngày 17/12/2020	Đảng Ủy xã Long Mai	
	8	[H3-1.3-08]	Quyết định thành lập tổ chức Công đoàn	Năm 2017 đến 2022	LĐLĐ huyện Minh Long	
	9	[H3-1.3-09]	Kế hoạch hoạt động Công đoàn	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Công đoàn trường	
	10	[H3-1.3-10]	Báo cáo tổng kết hoạt động Công đoàn	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Công đoàn trường	
	11	[H3-1.3-11]	Nghị quyết Công Đoàn nhiệm kỳ 2016-2021		Công đoàn trường	
	12	[H3-1.3-12]	Văn bản bổ sung nghị quyết Công đoàn	- Số 01/NQ/CĐCS ngày 01/07/2019	Công đoàn trường	
	13	[H3-1.3-13]	Bản cam kết trách nhiệm giữa BGH và BCH	-Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường THLM2 Trường THLM	
	14	[H3-1.3-14]	Quy chế hoạt động của BCH Công đoàn	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Công đoàn cơ sở	
	15	[H3-1.3-15]	Kết quả phân loại tổ chức Công đoàn	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	LĐLĐ huyện Minh Long	

	16	[H3-1.3-16]	Quyết định cử GV làm TPT Đội TNTP-HCM	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	PGDĐT Minh Long	
	17	[H3-1.3-17]	Kế hoạch công tác Đội TNTP- HCM	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Tổng phụ trách đội	
	18	[H3-1.3-18]	Báo cáo công tác Đội TNTP- HCM	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Tổng phụ trách đội	
	19	[H3-1.3-19]	Nghị quyết, biên bản Đại hội Liên đội	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Liên đội trưởng	
Tiêu chí 1.4	1	[H4-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	UBND huyện Minh Long	
	2	[H4-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	UBND huyện Minh Long	
	3	[H4-1.4-03]	Quyết định bổ nhiệm các tổ trưởng tổ chuyên môn	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Hiệu trưởng THLM	
	4	[H4-1.4-04]	Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	TCM	
	5	[H4-1.4-05]	Biên bản họp Tổ chuyên môn hàng năm	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	TCM	
	6	[H4-1.4-06]	Hồ sơ các Chuyên đề	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường	
		[H5-1.4-07]	Sổ SHCM và Dự giờ của GV	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường	
	7	[H1-1.1-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của trường	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường	
Tiêu chí 1.5	1	[H6-1.5-01]	Thời khóa biểu năm học, bảng phân công nhiệm vụ CB, GV, NV hàng năm	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường	

	2	[H6-1.5-02]	Lý lịch học sinh hằng năm	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường THLM	
	3	[H6-1.5-03]	Sơ đồ tổ chức lớp học	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường THLM	
	4	[H6-1.5-04]	Biên bản bầu Hội đồng tự quản HS hằng năm	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường THLM	
	5	[H6-1.5-05]	Sổ Đăng bộ học sinh	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường THLM	
	6	[H7-1.5-06]	Sổ công tác GVCN	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường THLM	
	Tiêu chí 1.6	1	[H8-1.6-01]	Danh mục Hồ sơ lưu trữ Nhà trường		Trường THLM
2		[H8-1.6-02]	Hồ sơ CB, GV, NV	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường THLM	
3		[H9-1.6-03]	Sổ theo dõi Công văn đi – công văn đến	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường THLM	
4		[H9-1.6-04]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường THLM	
5		[H9-1.6-05]	Hồ sơ kiểm kê CSVN hằng năm	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường THLM	
6		[H9-1.6-06]	Phần mềm quản lý tài sản, phần mềm kế toán MISA của nhà trường	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023		
7		[H9-1.6-07]	Sổ tài sản cố định	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường	
8		[H10-1.6-08]	Hồ sơ Kế Toán	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Kế toán lưu	
9		[H10-1.6-09]	Biên bản xét duyệt ngân sách hằng năm		PGDĐT	

	10	[H1-1.1-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của trường	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường	
	11	[H2-1.2-05]	Kế hoạch giáo dục Nhà trường	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường THLM	
Tiêu chí 1.7	1	[H2-1.2-05]	Kế hoạch giáo dục nhà trường	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường	
	2	[H1-1.1-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của trường	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường	
	3	[H11-1.7-01]	Hồ sơ BDTX hằng năm của trường	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường THLM	
	4	[H11-1.7-02]	Sổ đăng bộ giáo viên	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường TH Long Mai.	
	5	[H11-1.7-03]	Công văn cử CB, GV, NV đi tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	PGDĐT	
	6	[H2-1.2-09]	Hồ sơ hội thi GVĐG của trường và tham gia hội thi GVĐG các cấp	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	THLM	
	7	[H6-1.5-01]	Thời khóa biểu năm học, bảng phân công nhiệm vụ CB, GV, NV hằng năm	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường	
	8	[H12-1.7-04]	Bảng tốt nghiệp của Cán bộ, giáo viên	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường	
	9	[H12-1.7-05]	Bảng nhận chế độ lương và các phụ cấp khác của giáo viên hàng tháng	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường TH Long Mai	
	10	[H12-1.7-06]	Hồ sơ đăng ký thi đua hằng năm	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	CĐ Trường	

	11	[H12-1.7-07]	Quyết định khen thưởng GV hằng năm của trường	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường TH Long Mai.	
	12	[H12-1.7-08]	Biên bản Hội nghị CBCCVC hằng năm	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường TH Long Mai.	
	13	[H12-1.7-09]	Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBQL, GV	Năm 2019	Trường TH Long Mai.	
	14	[H3-1.3-10]	Báo cáo tổng kết hoạt động Công đoàn	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Công đoàn trường	
Tiêu chí 1.8	1	[H13-1.8-01]	Nghị quyết Nhà trường	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	- Trường TH Long Mai	
	2	[H2-1.2-05]	Kế hoạch giáo dục nhà trường	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường THLM	
	3	[H1-1.1-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của trường	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường	
	4	[H11-1.7-02]	Sổ đăng bộ giáo viên	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường TH Long Mai.	
	5	[H13-1.8-02]	Sổ biên bản họp Chuyên môn của trường	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường	
	6	[H13-1.8-03]	Biên bản kiểm tra, đánh giá của cấp trên đối với nhà trường	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường	
	7	[H13-1.8-04]	Bảng khen, giấy khen, giấy chứng nhận của trường được cấp có thẩm quyền công nhận	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Cấp trên	
	8	[H6-1.5-05]	Sổ đăng bộ học sinh	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường	
Tiêu chí 1.9	1	[H13-1.8-01]	Nghị quyết Nhà trường	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường TH Long Mai	
	2	[H1-1.1-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường	

			học của trường			
	3	[H12-1.7-08]	Biên bản Hội nghị CBCCVV hằng năm	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường TH Long Mai.	
	4	[H3-1.3-10]	Báo cáo tổng kết hoạt động Công đoàn	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Công đoàn trường	
	5	[H14-1.9-01]	Hồ sơ quy chế công khai	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường TH Long Mai.	
	6	[H14-1.9-02]	Nội quy cơ quan, Bảng phân công nhiệm vụ	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường TH Long Mai.	
	7	[H3-1.3-13]	Bản cam kết trách nhiệm giữa BGH và BCH		Công đoàn và BGH	
	8	[H14-1.9-03]	Quy chế phối hợp giữa nhà trường – gia đình và xã hội	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường TH Long Mai .	
	9	[H8-1.6-04]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường THLM	
	10	[H14-1.9-04]	Báo cáo của ban thanh tra nhân dân trường học	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường	
	11	[H14-1.9-05]	Quy chế dân chủ cơ sở	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường TH Long Mai	
	12	[H14-1.9-06]	Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường TH Long Mai	
Tiêu chí 1.10	1	[H15-1.10-01]	Hồ sơ phòng cháy chữa cháy	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường	
	2	[H15-1.10-02]	Hồ sơ phòng, chống các tệ nạn xã hội	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường TH Long Mai	
	3	[H15-1.10-03]	Hồ sơ phòng, chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường	

	4	[H15-1.10-04]	Hồ sơ y tế	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường	
	5	[H15-1.10-05]	Hồ sơ an toàn giao thông	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường TH Long Mai	
	6	[H15-1.10-06]	Hộp thư góp ý		Trường	
	7	[H15-1.10-07]	Số điện thoại đường dây nóng		Trường	
	8	[H15-1.10-08]	Báo cáo phòng chống bạo lực học đường	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường	
	9	[H1-1.1-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của trường	Năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường	
	10	[H2-1.2-04]	Biên bản họp hội đồng trường hằng năm	Năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường	
Tiêu chí 2.1	1	[H16-2.1-01]	Bằng tốt nghiệp đại học hiệu trưởng	- Số A 842475 ngày 09/09/2009 - Số 0047940 ngày 27/8/2004	Trường Đại học Quy Nhơn; Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Ngãi;	
	2	[H16-2.1-02]	Chứng chỉ tốt nghiệp Cán bộ quản lý giáo dục tiểu học	- Số 17- QL- 07 ngày 29/3/2007 - Số 13/92 ngày 14/12/1992	Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Ngãi Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Ngãi	

	3	[H16-2.1-03]	Chứng chỉ tin học B	- Số 000924 ngày 07/3/2008	Trường ĐH Bách khoa Đà Nẵng	
	4	[H16-2.1-04]	Chứng chỉ Tiếng Anh B	- Số B01616 ngày 01/02/2008	Trung tâm GDTX- HN	
	5	[H16-2.1-05]	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp	- Số 50-TH-H2-18 ngày 27/12/2018	-Trường ĐH Phạm Văn Đồng	
	6	[H16-2.1-06]	Bằng cử nhân giáo dục tiểu học (phó Hiệu trưởng)	- Số A0038046 ngày 20/6/2008 - Số 932878 ngày 31/12/2013	Trường ĐH Phạm Văn Đồng Trường Đại học Quy Nhơn	
	7	[H16-2.1-07]	Bằng tốt nghiệp sơ cấp lý luận chính trị	- Số ML/BTN-08 ngày 29/08/2018	Trung tâm BDCT huyện Minh Long	
	8	[H16-2.1-08]	Giấy chứng nhận bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục	- Số 037/CN- QLGD16 ngày 07/04/2016 - Số 22- QL-07 ngày 29/3/2007	Trường Đại học Phạm Văn Đồng Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Ngãi	
	9	[H16-2.1-09]	Chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ B	- Số 000830 ngày 07/3/2008	Trường Đại học Bách	

					Khoa Đà Nẵng	
10	[H16-2.1-10]	Chứng chỉ tiếng Anh B		- Số A 628204 ngày 15/5/2014	Trung tâm ngoại ngữ tin học 3T.GOLD	
11	[H16-2.1-11]	Chứng chỉ Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp				
12	[H16-2.1-12]	Kết quả đánh giá, xếp loại của hiệu trưởng hàng năm		Từ năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường	
13	[H16-2.1-13]	Phiếu đánh giá chuẩn nghề nghiệp hiệu trưởng		Từ năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường	
14	[H16-2.1-14]	Kết quả đánh giá, xếp loại của phó hiệu trưởng hàng năm		Từ năm học 2017- 2018 đến 2021-2022	Trường	
15	[H16-2.1-15]	Phiếu đánh giá chuẩn nghề nghiệp phó hiệu trưởng		Từ năm học 2017- 2018 đến 2021-2022	Trường	
16	[H16-2.1-16]	Các loại giấy khen, danh hiệu thi đua của hiệu trưởng, hiệu phó.		<ul style="list-style-type: none"> - Số 1082/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 - Số 1083/QĐ- UBND ngày 20/8/2020 - Số 937/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 - Số 87/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 - Số 750/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 - Số 846 / QĐ- UBND ngày 16/8/2019 - Số 19/QĐ - TTBDCT ngày 29/8/2018 		

				- Số 1082/QĐ - UBND ngày 20/8/2020 - Số 02- QĐ/TCT ngày 23/10/2020 - Số 645/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 - Số 938/QĐ- UBND ngày 28/7/2021		
	17	[H16-2.1-17]	Hồ sơ lấy phiếu tín nhiệm bổ nhiệm HT, PHT	Từ năm học 2017-2018 đến 2021-2022	Trường	
	18	[H16-2.1-18]	Bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị-hành chính của phó hiệu trưởng	- Số TC0107018 ngày 20/10/2020	Trường chính trị tỉnh Quảng Ngãi	
	19	[H4-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng			
	20	[H4-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng			
	21	[H11-1.7-03]	Công văn cử CB, GV, NV đi tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022		
	22	[H1-1.1-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của trường	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường	
Tiêu chí 2.2	1	[H1-1.1-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của trường	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường	
	2	[H6-1.5-01]	TKB năm học, bảng phân công nhiệm vụ CB, GV, NV	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường	
	3	[H11-1.7-03]	Công văn cử CB, GV, NV đi tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường	

	4	[H8-1.6-02]	Hồ sơ CB, GV, NV	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường	
	5	[H11-1.7-02]	Sổ đăng bộ giáo viên	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường	
	6	[H12-1.7-06]	Bằng tốt nghiệp của giáo viên		GV	
	7	[H17-2.2-01]	Thống kê Pmis hằng năm (Thống kê số lượng CB, GV, NV trình độ đào tạo, các văn bằng, chứng chỉ của CB, GV, NV)	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Cơ sở dữ liệu ngành Pmis	
	8	[H3-1.3-16]	Quyết định phân công giáo viên làm Tổng phụ trách Đội		Phòng GD & ĐT Minh Long	
	9	[H17-2.2-02]	Nhận xét, đánh giá cán bộ, giáo viên, nhân viên	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường	
	10	[H17-2.2-03]	Phiếu đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường	
	11	[H17-2.2-04]	Quyết định phê duyệt danh sách thôn, xã đặc biệt khó khăn	- Số 582/QĐ - TTg ngày 28/4/2017 - Số 861/QĐ - TTg ngày 04/6/2021	Thủ tướng chính phủ	
Tiêu chí 2.3	1	[H1-1.1-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của trường	- Từ năm học 2017- 2018 đến 2021-2022		
	2	[H6-1.5-01]	TKB năm học, bảng phân công nhiệm vụ CB, GV, NV	- Từ năm học 2017- 2018 đến 2021-2022	Trường	
	3	[H8-1.6-02]	Hồ sơ CB, GV, NV	- Từ năm học 2017- 2018 đến 2021-2022	Trường	
	5	[H11-1.7-03]	Công văn cử CB, GV, NV đi	- Từ năm học 2017- 2018 đến 2021-	Trường	

		tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ	2022		
6	[H17-2.2-01]	Thống kê Pmis hằng năm (Thống kê số lượng CB, GV, NV trình độ đào tạo, các văn bằng, chứng chỉ của CB, GV, NV)	- Từ năm học 2017- 2018 đến 2020-2021	Cơ sở dữ liệu ngành Pmis	
7	[H18-2.3-01]	Kết quả đánh giá, xếp loại nhân viên hằng năm của nhà trường theo quy định	- Từ năm học 2017- 2018 đến 2020-2021	BGH nhà trường	
8	[H18-2.3-02]	Hợp đồng nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> - Số 04/HĐLĐ ngày 03/9/2017 - Số 02/HĐLĐ ngày 02/01/2017 - Số 03/HĐLĐ ngày 26/09/2017 - Số 01/HĐLĐ ngày 02/01/2018 - Số 09/HĐLĐ ngày 28/09/2018 - Số 01/HĐLĐ ngày 01/01/2019 - Số 05/HĐ-TM ngày 03/06/2019 - Số 06/HĐ-TM ngày 01/07/2019 - Số 02/HĐ- THLM ngày 02/1/2020 - Số 01/HĐ- THLM ngày 02/1/2020 - Số 01/ HĐ- TM ngày 02/1/2021 - Số 02/ HĐ- TM ngày 02/1/2021 	Trường	
9	[H18-2.3-03]	Hợp đồng giao khoán với trạm y tế xã Long Mai khám sức khỏe định kì cho HS hằng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Số 01/HĐGK ngày 04/10/2017 - Số 09/HĐGK ngày 29/10/2018 - Số 02/HĐGK ngày 29/10/2019 - Số 03/HĐGK ngày 07/01/2020 	Trường	
1	[H1-1.1-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm	Từ năm học 2017- 2018 đến 2021-	Trường	

Tiêu chí 2.4			học của trường	2022		
	2	[H6-1.5-05]	Sổ đăng bộ HS	Từ năm học 2017- 2018 đến 2021-2022	Trường	
	3	[H7-1.5-06]	Sổ công tác GVCN	Từ năm học 2017- 2018 đến 2021-2022	GVCN các lớp	
	4	[H14-1.8-01]	Kế hoạch hoạt động NGLL	Từ năm học 2017- 2018 đến 2021-2022	Trường	
	5	[H19-2.4-01]	Quyết định khen thưởng HS về văn hóa hàng năm	- Số 124/QĐ – THLM2 ngày 23/5/2018 - Số 38/QĐ – THLM2 ngày 20/5/2019 - Số 36/QĐ – THLM1 ngày 25/5/2018 - Số 47/QĐ – THLM1 ngày 25/5/2019 - Số 60/QĐ - THLM ngày 26/5/2020 - Số 15/QĐ - THLM ngày 20/5/2021	Trường TH Long Mai 2 Trường TH Long Mai 1 Trường TH Long Mai	
	6	[H19-2.4-02]	Quyết định khen thưởng HS về phong trào	- Số 59/QĐ-LM2 ngày 06/12/2017 - Số 28/QĐ-THLM2 ngày 05/12/2018 - Số 118/QĐ - LM1 ngày 02/12/2017 - Số 09/QĐ-LM1 ngày 14/01/2019 - Số 119/QĐ-LM ngày 02/12/2019 - Số 43/QĐ-THLM ngày 04/12/2020	Trường	
	7	[H19-2.4-03]	Thống kê về độ tuổi học sinh	Từ năm học 2017- 2018 đến 2021-2022	Phần mềm hệ thống	

	8	[H20-2.4-04]	Sổ tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục	Từ năm học 2017- 2018 đến 2021-2022	GVCN các lớp	
	9	[H21-2.4-05]	Hồ sơ tuyển sinh lớp 1	Từ năm học 2017- 2018 đến 2021-2022	GVCN các lớp	
	10	[H22-2.4-06]	Học bạ HS	Từ năm học 2017- 2018 đến 2021-2022	Trường	
Tiêu chí 3.1	1	[H23-3.1-01]	Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất của nhà trường	Số: T00001QSDĐ/381/QĐ-UB ngày 14/02/2000	Sở Tài nguyên Môi trường & UBND tỉnh Quảng Ngãi	
	2	[H23-3.1-02]	Hình ảnh cổng trường, biển tên trường; tường rào bao quanh		Nhà trường	
	3	[H23-3.1-03]	Hồ sơ xây dựng trường		Nhà trường	
	4	[H23-3.1-04]	Hình ảnh sân chơi, sân tập thể dục thể thao, nhà đa năng.		Nhà trường	
	5	[H23-3.1-05]	Hồ sơ xây dựng nhà đa năng		UBND huyện Minh Long	
	6	[H1-1.1-06]	Báo cáo tổng kết năm học của trường			
	7	[H23-3.1-06]	Hình ảnh học sinh luyện tập TDTT		Trường	
Tiêu chí 3.2	1	[H9-1.6-05]	Hồ sơ kiểm kê CSVN hàng năm		Nhà trường	
	2	[H24-3.2-01]	Hình ảnh các phòng học đúng quy cách		Nhà trường	

	3	[H24-3.2-02]	Hình ảnh phòng học có đủ bàn ghế giáo viên, học sinh, bảng đen lớp học		Nhà trường		
	4	[H24-3.2-03]	Hình ảnh bóng tiếp, quạt trần, quạt treo tường trong mỗi phòng học, tủ đựng thiết bị.		Nhà trường		
	5	[H24-3.2-04]	Sổ quản lý tài sản cố định	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2021-2022	Phòng KT		
	6	[H24-3.2-05]	Hình ảnh phòng học có đủ các thiết bị dạy học	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2021-2022	Nhà trường		
	7	[H24-3.2-06]	Hình ảnh bàn ghế của học sinh đảm bảo tiêu chuẩn	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2021-2022	Nhà trường		
	8	[H1-1.1-06]	Báo cáo tổng kết năm học của trường				
	Tiêu chí 3.3	1	[H25-3.3-01]	Hình ảnh khối phòng học phục vụ học tập. (Phòng tiếng Anh, Tin Học, âm nhạc- Mỹ Thuật)	2017	UBND huyện Minh Long	
		2	[H25-3.3-02]	Hình ảnh khối phòng hành chính - quản trị.	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2021-2022	Nhà trường	
3		[H25-3.3-03]	Hình ảnh tủ đựng hồ sơ, lưu trữ tài liệu chung	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2021-2022	Nhà trường		
4		[H25-3.3-04]	Hình ảnh nhà để xe cho GV, HS.	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2019 – 2020	Nhà trường		
5		[H23-3.1-03]	Hồ sơ xây dựng trường	2020	Nhà trường		
6		[H24-3.2-04]	Sổ quản lý tài sản cố định				

Tiêu chí 3.4	1	[H26-3.4-01]	Hình ảnh nhà vệ sinh	2019 - 2020	Nhà trường	
	2	[H26-3.4-02]	Hình ảnh máy lọc nước uống	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2019 – 2020	Nhà trường	
	3	[H26-3.4-03]	Hình ảnh thu gom và xử lý rác thải	Từ năm học 2015 – 2016 đến 2019-2020	Nhà trường	
	4	[H26-3.4-04]	Hợp đồng thu gom và vận chuyển rác;	Từ năm học 2015 – 2016 đến 2019-2020	Phòng KT	
	5	[H26-3.4-05]	Hình ảnh hệ thống thoát nước	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2019 – 2020	Nhà trường	
	6	[H26-3.4-06]	Hình ảnh giếng khoan	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2019 – 2020	Nhà trường	
	7	[H23-3.1-03]	Hồ sơ xây dựng trường	2020	Nhà trường	
Tiêu chí 3.5	1	[H27-3.5-01]	Danh mục thiết bị, đồ dùng dạy học trong nhà trường.	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2021-2022	Phòng Thiết bị	
	2	[H27-3.5-02]	Biên bản kiểm kê danh mục thiết bị, đồ dùng của nhà trường	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2021-2022	Nhà trường	
	3	[H27-3.5-03]	Hợp đồng kết nối mạng Internet.	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2021-2022	Phòng KT	
	4	[H27-3.5-04]	Hóa đơn thanh toán tiền Internet hàng tháng của nhà trường	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2021-2022	Phòng KT	
	5	[H27-3.5-05]	Hình ảnh phòng chứa thiết bị, đồ dùng dạy học	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2021-2022	Nhà trường	
	6	[H27-3.5-06]	Hồ sơ bổ sung thiết bị dạy học	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2021-2022	Nhà trường	
	7	[H27-3.5-07]	Sổ theo dõi mượn thiết bị			

	8	[H1-1.1-06]	Báo cáo tổng kết năm học của trường			
Tiêu chí 3.6	1	[H28-3.6-01]	Sổ đăng ký báo, tạp chí	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2021-2022	Phòng thư viện	
	2	[H28-3.6-02]	Hình ảnh tủ sách pháp luật	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2021-2022	Thư viện	
	3	[H28-3.6-03]	Kế hoạch hoạt động thư viện	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2021-2022	Thư viện	
	4	[H28-3.6-04]	Hình ảnh tiết học đọc thư viện, hình ảnh thư viện	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2021-2022	Thư viện	
	5	[H28-3.6-05]	Sổ cho học sinh mượn sách	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2021-2022	Thư viện	
	6	[H28-3.6-06]	Sổ cho CBGV mượn sách	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2021-2022	Thư viện	
	7	[H28-3.6-07]	Biên bản kiêm kê sách thư viện	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2021-2022	Thư viện	
	8	[H28-3.6-08]	Biên bản thanh lý sách hàng năm	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2021-2022	Thư viện	
	9	[H28-3.6-09]	Sổ đăng ký tổng quát	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2021-2022	Thư viện	
	10	[H28-3.6-10]	Sổ đăng ký cá biệt	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2021-2022	Thư viện	
	11	[H28-3.6-11]	Kế hoạch bổ sung sách cho thư viện	Từ năm học 2017 – 2018 đến 2021-2022	Thư viện	
	12	[H28-3.6-12]	QĐ công nhận Thư viện đạt “Thư viện trường học đạt chuẩn” theo QĐ số 810/QĐ- GD&ĐT	18/11/2016	Sở GD và ĐT tỉnh Quảng Ngãi	

Tiêu chí 4.1	1	[H29-4.1-01]	Biên bản họp phụ huynh học sinh của các lớp (Đầu năm, cuối học kì I, cuối năm)	Từ năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Các lớp	
	2	[H29-4.1-02]	Quyết định thành lập Ban đại diện CMHS của trường	Từ năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường	
	3	[H14-1.9-03]	Quy chế phối hợp giữa nhà trường – gia đình và xã hội	Từ năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường	
	4	[H29-4.1-03]	Kế hoạch hoạt động của ban ĐDCMHS	Từ năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Hội trưởng hội phụ huynh	
	5	[H29-4.1-04]	Biên bản họp của Ban ĐDCMHS (Đầu năm, cuối học kì I, cuối năm)	Từ năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Hội phụ huynh	
	6	[H29-4.1-05]	Báo cáo tổng kết hoạt động năm học của ban ĐDCMHS	Từ năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Hội phụ huynh	
	7	[H29-4.1-06]	Kế hoạch phối hợp vận động học sinh đến trường, vận động học sinh ra lớp	Từ năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường	
	8	[H1-1.1-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của nhà trường	Từ năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường	
Tiêu chí 4.2	1	[H30-4.2-01]	Tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường	Từ năm học 2017-2018 đến 2022-2023	UBND xã Long Mai	
	2	[H1-1.1-02]	Phương hướng chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2017-2020 tầm nhìn đến năm 2025	Từ năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường	

	3	[H1-1.1-05]	Nghị quyết Hội đồng trường	Từ năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường	
	4	[H14-1.9-03]	Quy chế phối hợp giữa nhà trường – gia đình xã hội	Từ năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường	
	5	[H30-4.2-02]	Hình ảnh phụ huynh, học sinh tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Chăm sóc di tích lịch sử cách mạng, công trình văn hóa		Tổng phụ trách đội	
	6	[H30-4.2-03]	Hình ảnh về công tác tuyên truyền của nhà trường với PHHS (thông qua các buổi họp PHHS) để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp cách đánh giá học sinh tiêu học, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục	Từ năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường	
	7	[H15-1.10-02]	Kế hoạch phòng, chống các tệ nạn xã hội	Từ năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường	
	8	[H30-4.2-04]	Biên bản bàn giao học sinh về sinh hoạt hè trên địa bàn dân cư	Từ năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Tổng phụ trách đội	
	9	[H15-1.10-04]	Hồ sơ y tế	Từ năm học 2017-2018 đến 2022-2023	CB kiêm y tế	
	10	[H15-1.10-05]	Hồ sơ an toàn giao thông	Từ năm học 2017-2018 đến 2022-	Tổng phụ	

				2023	trách đội	
	11	[H15-1.10-03]	Hồ sơ phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn	Từ năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Tổng phụ trách đội	
	12	[H16-1.10-01]	Hồ sơ phòng cháy chữa cháy	Từ năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Trường	
	13	[H3-1.3-17]	Kế hoạch công tác đội TNTPHCM	Từ năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Tổng phụ trách đội	
	14	[H3-1.3-18]	Báo cáo công tác đội TNTPHCM	Từ năm học 2017-2018 đến 2022-2023	Tổng phụ trách đội	
	15	[H30-4.2-05]	Quyết định công nhận cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa	Từ năm học 2017-2018 đến 2022-2023	UBND huyện Minh Long	
Tiêu chí 5.1	1	[H2-1.2-05]	Kế hoạch giáo dục (năm học) nhà trường	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
	2	[H4-1.4-04]	Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn, tổ VP	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	TCM, TVP	
	3	[H1-1.1-02]	Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2017-2020 và tầm nhìn đến năm 2025	-Số 02/KH-THLMI ngày 02/10/2015. -Số 12/KH-THLM2 ngày 15/9/2015. -Số 14/KHLM- THLM ngày 7/9/5/2020	Trường TH Long Mai	
	4	[H1-1.1-05]	Nghị quyết nhà trường	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
	5	[H6-1.5-01]	TKB năm học, bảng phân công nhiệm vụ CB, GV, NV	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
	6	[H31-5.1-01]	Kế hoạch dạy học	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022		

	7	[H7-1.5-06]	Sổ công tác GVCN	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Giáo viên Giáo viên	
	8	[H12-1.8-01]	Sổ biên bản họp chuyên môn của trường.	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
	9	[H29-4.1-01]	Biên bản họp phụ huynh của các lớp (Đầu năm, cuối học kì I, cuối năm học)	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
	10	[H29- 4.1-05]	Biên bản họp ban đại diện cha mẹ HS (Đầu năm, cuối học kì I, cuối năm học)	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Hội phụ huynh	
	11	[H13-1.8-02]	Biên bản kiểm tra, đánh giá của cấp trên đối với nhà trường	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	PGD,SGD	
	12	[H2-1.2-03]	Báo cáo sơ kết, tổng kết của hội đồng trường	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Hội đồng Trường TH Long Mai	
	13	[H1-1.1-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của trường	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
Tiêu chí 5.2	1	[H31-5.1-01]	Kế hoạch dạy học.	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Giáo viên	
	2	[H5-1.4-07]	Sổ sinh hoạt chuyên môn và dự giờ.	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Giáo viên	
	3	[H32-5.2-01]	Phiếu dự giờ (Phiếu đánh giá tiết dạy)	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Giáo viên	
	4	[H12-1.8-01]	Sổ biên bản họp chuyên môn của trường.	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
	5	[H20- 2.4-04]	Sổ tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	GVCN	

6	[H33-5.2-02]	Hồ sơ kiểm tra định kỳ, năm học(HS).	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
7	[H34-5.2-03]	Thống kê chất lượng GD của HS (GHKI, CHKI, GHKII, cuối năm học)	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
8	[H35-5.2-04]	Phiếu kiểm tra hồ sơ giáo viên, hồ sơ tổ khối	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
9	[H36-5.2-05]	Hồ sơ HS khuyết tật	Năm học 2020-2021 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
10	[H37-5.2-06]	Hồ sơ tập huấn chuyên môn	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Giáo viên	
11	[H38-5.2-07]	Hồ sơ sinh hoạt CM theo NCBH	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	TCM	
12	[H4-1.4- 06]	Hồ sơ các chuyên đề	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022		
13	[H19-2.4-01]	Quyết định khen thưởng HS về văn hóa hằng năm	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	BGH, Các cấp	
14	[H1-1.1-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của trường	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
15	[H4-1.4-04]	Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn, tổ VP	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	TCM	
16	[H39-5.2-08]	Biên bản nghiệm thu và bàn giao chất lượng GD.	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Giáo viên	
17	[H39 -5.2- 09]	Kế hoạch phụ đạo và bồi dưỡng học sinh	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
18	[H2-1.2-09]	Hồ sơ chấm đề tài sáng kiến kinh nghiệm	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	

	19	[H13-1.8- 01]	Nghị quyết nhà trường	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
Tiêu chí 5.3	1	[H40-5.3- 01]	Kế hoạch các câu lạc bộ trường học.	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Giáo viên CN CLB	
	2	[H20-2.4-04]	Sổ tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Giáo viên	
	3	[H40-5.3- 02]	Hồ sơ tổ tư vấn tâm lí học đường	Năm học 2020-2021 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
	4	[H14-1.9-03]	Quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội.	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
	5	[H30- 4.2-03]	Hình ảnh về công tác tuyên truyền của nhà trường với PHHS(Thông qua các buổi họp phụ huynh HS) để tăng cường sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung phương pháp cách đánh giá Hs tiểu học, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch GD.	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Giáo viên TPT Đội	
	6	[H41-5.3-03]	Sổ công tác Đội	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	GVTPT Đội	
	7	[H42-5.3-04]	Hồ sơ tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Giáo viên TPT Đội	
	8	[H36-5.2-05]	Hồ sơ HS khuyết tật	Năm học 2020-2021 đến năm học 2021-2022	GVCN	
	9	[H3-1.3-18]	Báo cáo công tác Đội TNTP Hồ	Năm học 2017-2018	Giáo viên	

			Chí Minh	đến năm học 2021-2022	TPT Đội	
	10	[H42-5.3-05]	Quyết định khen thưởng các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp của cấp trên đối với HS.	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	BGH, các cấp	
	11	[H1-1.1-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của trường	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
Tiêu chí 5.4	1	[H43-5.4-01]	Thống kê phổ cập GDTH (Hồ sơ PC)	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Giáo viên phụ trách phổ cập	
	2	[H43-5.4-02]	Quyết định công nhận kết quả phổ cập hàng năm	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Giáo viên phụ trách phổ cập	
	3	[H29- 4.1-06]	Kế hoạch phối hợp vận động học sinh đến trường, vận động học sinh ra lớp.	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
	4	[H21-2.4-06]	Hồ sơ tuyển sinh lớp 1	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
	5	[H6-1.5-05]	Sổ đăng bộ HS	Từ năm 2017 đến năm 2022	Giáo viên phụ trách phổ cập	
Tiêu chí 5.5	1	[H20-2.4-04]	Sổ tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục.	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Giáo viên	
	2	[H34-5.2-03]	Thống kê chất lượng GD của HS (GHKI, CHKI, GHKII, cuối năm học)	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
	3	[H22-2.4-06]	Học bạ học sinh	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	

4	[H44-5.5-01]	QĐ công nhận HS hoàn thành chương trình tiểu học	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
5	[H6-1.5-05]	Sổ đăng bộ HS	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
6	[H44-5.5-02]	Thông kê trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
7	[H44-5.5-03]	Thông kê trẻ 14 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
8	[H44-5.5-04]	Danh sách học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
9	[H19-2.4-01]	Quyết định khen thưởng HS về văn hóa hằng năm.	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	
10	[H1-1.1-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học nhà trường	Năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	Trường TH Long Mai	